



CHỨNG NHẬN CỦA FORD
DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP TỐT NHẤT



Vietnam Value
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



DO NGƯỜI TIÊU DÙNG
BÌNH CHỌN 19 NĂM LIỀN

ISO 9001
ISO/TS 16949
ISO/IEC 17025
ISO 14001



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU CÔNG TY	3
Thông tin khái quát	3
Các danh hiệu tiêu biểu	5
Sản phẩm tiêu biểu	6
Sơ đồ tổ chức	8
Định hướng phát triển	10
Rủi ro	11
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	14
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	15
Tổ chức và nhân sự	16
Tình hình tài chính	18
Cơ cấu cổ đông	19
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	20
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	21
Tình hình tài chính	24
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	25
Kế hoạch phát triển tương lai	25
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
Đánh giá của hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty	29
Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	29
Các kế hoạch, định hướng	30
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014	39
BÁO CÁO BỀN VỮNG	82



Vietnam Value



PINACO

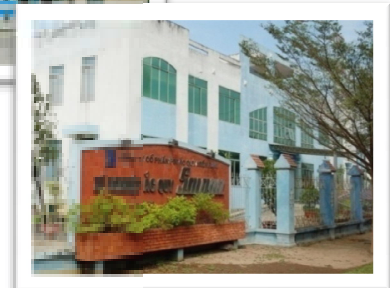
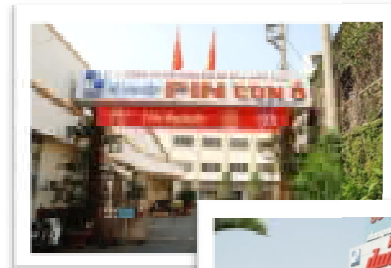
TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

GIỚI THIỆU CÔNG TY

-
- ❖ Thông tin khái quát
 - ❖ Quá trình hình thành và phát triển
 - ❖ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
 - ❖ Thông tin về mô hình quản trị,
tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
 - ❖ Định hướng phát triển
 - ❖ Các rủi ro
-

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM
Tên tiếng anh	: DRY CELL AND STORAGE BATTERY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: PINACO
Giấy CNĐKKD	: Số 0300405462 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 23/09/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 26/08/2013
Vốn Điều lệ	: 269.878.430.000 VNĐ (Hai trăm sáu mươi chín tỷ tám trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng)
Trụ sở chính	: Số 321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84.8) 3920 3062 – 3920 3063
Fax	: (84.8) 3920 3060 – 3920 3061
Email	: pinaco@pinaco.com.vn
Website	: www.pinaco.com
Mã cổ phiếu	: PAC
Niên yết tại	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976	Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam (PINACO), trước đây là Công ty Pin Ấc quy miền Nam, được Tổng cục Hóa chất (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) quyết định thành lập vào ngày 19/04/1976 trên cơ sở quốc hữu hóa toàn bộ các nhà máy: pin Con Ó (Vidopin), pin Con Mèo, pin Hột Xoàn, nhà máy bình điện VABCO và nhà máy bình điện VIDECO.
1993	Ngày 25/05/1993, theo Nghị định 388 của Chính phủ về việc thành lập lại các doanh nghiệp Nhà nước, Bộ Công Nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) ra quyết định số 304/QĐ/TCNSĐT thành lập lại Công ty Pin Ấc quy Miền Nam (Pinaco) trực thuộc Tổng Công ty Hóa Chất Việt Nam.
1998	Từ năm 1998, PINACO bắt đầu thực hiện liên tục đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất, thay thế dần công nghệ sản xuất cũ lạc hậu bằng công nghệ sản xuất mới.
2003	Đầu tư mới Xí nghiệp Ấc quy Sài Gòn tại Khu Công nghiệp Tân Tạo.
2004	Từ ngày 01/10/2004, PINACO chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/9/2004.
2006	PINACO niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM theo Giấy Phép Niêm yết cổ phiếu số 69/UBCK-GPNY của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và chính thức thực hiện phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 12/12/2006 với mã chứng khoán là PAC với giá giao dịch là 40.000 đồng/cổ phiếu.
2011	Đầu tư nhà máy sản xuất ắc quy mới tại Nhơn Trạch, Đồng Nai (Xí nghiệp ắc quy Đồng Nai 2).
2012	PINACO không ngừng đầu tư đổi mới thiết bị, thay thế dần công nghệ sản xuất cũ lạc hậu bằng công nghệ sản xuất mới, phù hợp với nhu cầu công nghệ ngày một cao của thị trường

Trong suốt 39 năm hình thành và phát triển, với tinh thần “Chủ động, Sáng tạo, Tiên phong đổi mới để sẵn sàng hội nhập”, PINACO đã gặt hái được những thành quả đáng tự hào cho Công ty nói riêng cũng như ngành công nghiệp Pin và Ấc quy nói chung. Trong tình hình cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế hội nhập ngày nay, PINACO vẫn bảo vệ vững chắc vị thế của một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất Pin và Ấc quy tại Việt Nam đồng thời nhận được nhiều phần thưởng và danh hiệu cao quý do Nhà nước, khách hàng và các tổ chức trao tặng.

CÁC GIẢI THƯỞNG, DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC

- Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính Phủ (các năm 2013, 2014)
- Thương hiệu Quốc gia (2012; 2014).
- Chứng nhận Nhà cung cấp Ưu tiên của Tập đoàn Ford Q1 (2014).
- Nhà cung cấp có cải tiến tốt nhất của HONDA (2014).
- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín (2014).
- Top 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam (2012).
- Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 19 năm liền (1997 – 2015) .
- Huân chương độc lập hạng Nhất (2011), Nhì (2005), Ba (2002).
- Chứng nhận ISO 14001 cho hệ thống quản lý môi trường (2013).
- Chứng nhận ISO/ IEC 17025 cho hệ thống phòng thí nghiệm (2013).
- Chứng nhận ISO 9001 – hệ thống quản lý chất lượng (2011).
- Chứng nhận ISO/TS 16949:2009 - hệ thống quản lý chất lượng dành cho các nhà cung cấp cho ngành công nghiệp ô tô (2011).
- Nhà cung cấp đáng tin cậy (2011).
- Sao Vàng Đất Việt (2009 – 2011).
- Cờ phiếu Vàng (2009).
- TOP 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam (2008).
- Thương hiệu chứng khoán uy tín & công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam (2008)
- Anh Hùng Lao động thời kỳ đổi mới (2000).
- Huân chương Lao động hạng Ba (2000).



Ngành nghề kinh doanh

- **Sản xuất Pin và Ấc quy:** Cung cấp đa dạng các chủng loại Pin và Ấc quy cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Bao gồm các loại Pin Carbon kẽm thông dụng và các loại Ấc quy cho nhiều mục đích sử dụng như: Ấc quy khởi động dùng cho xe ô tô, xe máy, tàu thuyền; Ấc quy dân dụng dùng thắp sáng, xe điện và Ấc quy công nghiệp các loại, .v.v.
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm Pin, Ấc quy và vật tư, thiết bị cho sản xuất kinh doanh Pin, Ấc quy.

Địa bàn kinh doanh

- **Trong nước:** Công ty có 1 văn phòng chính tại Quận 1, TP Hồ Chí Minh, 3 xí nghiệp sản xuất ắc quy, 1 xí nghiệp sản xuất pin - tất cả đặt tại Tp Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng nai. 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng. Địa bàn kinh doanh phủ khắp toàn quốc.
- **Xuất khẩu:** Hiện sản phẩm của PINACO đã được xuất khẩu sang hơn 15 quốc gia trên thế giới, trong đó có: Campuchia, Trung Đông, Brunei, Hồng Kông, Nigeria, Algeria, Yemen, Myanmar, Trung Quốc, Sri Lanka, Lebanon, Jordan, Sudan, ...

Sản phẩm tiêu biểu

Sản phẩm của PINACO đạt tiêu chuẩn chất lượng hàng đầu với công nghệ được chuyển giao từ Châu Âu, Nhật Bản, sản xuất trên các máy móc, thiết bị tiên tiến của Áo, Mỹ, Đức, Anh, Ý... và hệ thống quản trị tiên tiến, đáp ứng được yêu cầu khắt khe của nhiều khách hàng và các hãng lắp ráp xe ô tô hàng đầu thế giới tại Việt Nam như Ford Vietnam, Vietnam Suzuki, Honda, Piaggio, Yamaha, Mercedes - Benz Vietnam, ...

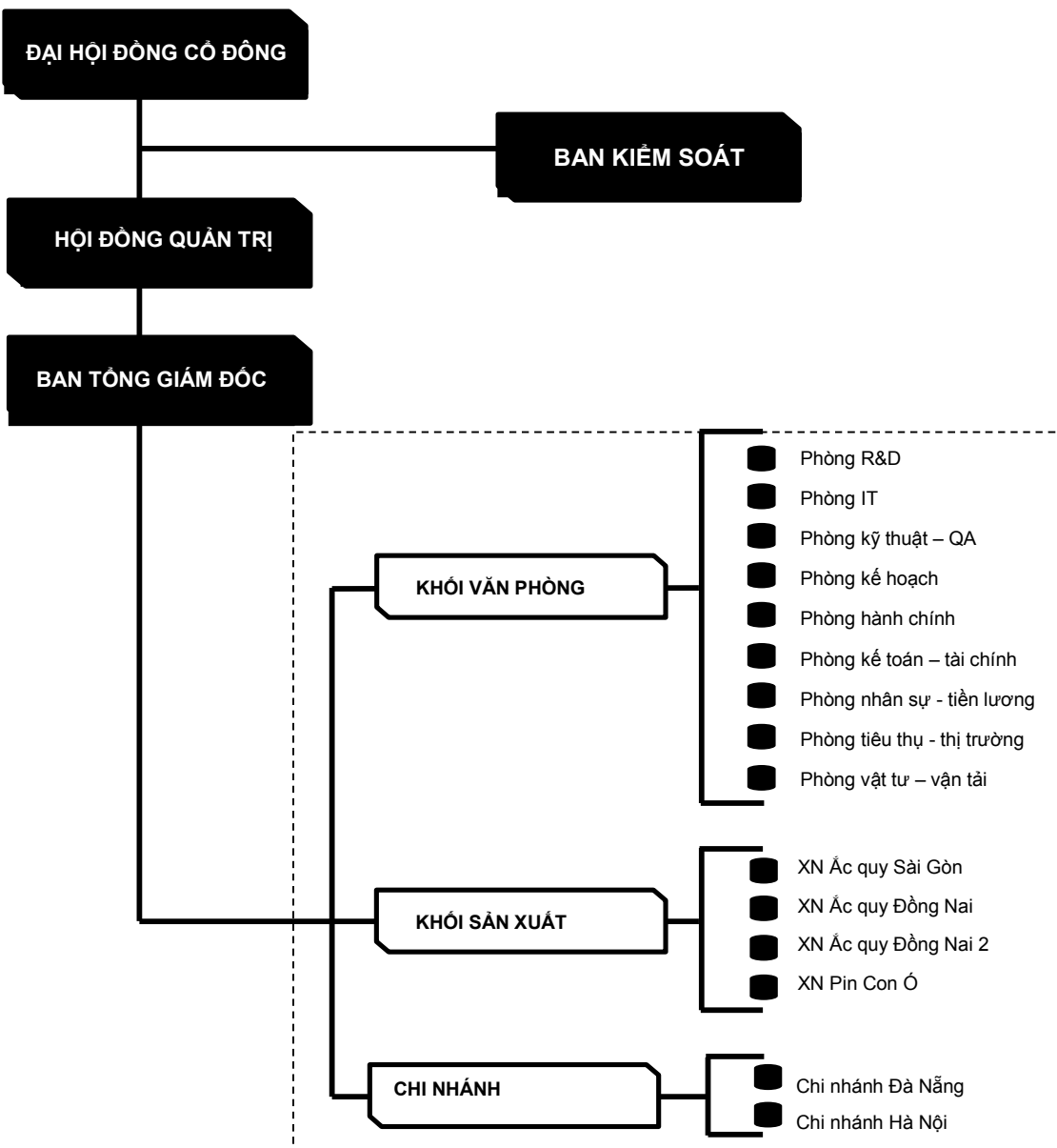
HÌNH ẢNH	SẢN PHẨM
<p>Pin các loại Pin đại R20/UM1/D-Size; Pin tiểu R6P/UM3/AA; Pin đũa 03/UM4/AAA; Pin đũa Alkaline LR6/AM3/AA; Pin tiểu Alkaline LR03/AM4/AAA.</p>	
	<p>Ắc quy cho xe ô tô – tàu thuyền Các chủng loại với dung lượng từ 32 Ah đến 210 Ah</p>
<p>Ắc quy miễn bảo dưỡng (CMF) cho xe ô tô Gồm các chủng loại với dung lượng từ 35 Ah đến 100 Ah</p>	
	<p>Ắc quy dân dụng Các chủng loại với dung lượng từ 20Ah đến 30Ah</p>
<p>Ắc quy khô (VRLA) và Ắc quy truyền thống cho xe gắn máy</p>	
	<p>Ắc quy khô cho xe đạp điện - UPS Các chủng loại 4.5Ah đến 14Ah</p>
<p>Ắc quy công nghiệp Ắc quy xe điện, xe golf</p>	
	<p>Ắc quy viên Thông</p>

Khách hàng tiêu biểu



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Sơ đồ tổ chức



Các đơn vị trực thuộc

Các xí nghiệp

Xí nghiệp Pin Con Ó 752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, TP. HCM ĐT: (84 8) 38750 556	Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai ĐT: (84 61) 3 836 116
	Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai 2 Đường N2, KCN Dệt May Nhơn Trạch, Nhơn Trạch, Đồng Nai ĐT: (84 61) 3 569 968
	Xí nghiệp Ấc quy Sài Gòn Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. HCM ĐT: (84 8) 37 540 244

Các chi nhánh

Chi nhánh Hà Nội 18 ngõ 44 Đức Giang, P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, Hà Nội ĐT: (84 4) 39 333 611	Chi nhánh Đà Nẵng 348 Điện Biên Phủ, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng ĐT: (84 511) 3 649 957
--	--

Trung tâm Bảo hành

Khu vực Miền Bắc 18 ngõ 44 Đức Giang, Q. Hoàng Mai, Hà Nội ĐT: (84 4) 3646 2432	Khu vực Miền Trung 348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng ĐT: (84 511) 3769 055	Khu vực Miền Nam Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. HCM ĐT: (84 8) 3754 1151
---	---	--

Cửa hàng giới thiệu sản phẩm

321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM ĐT: (84 8) 8368 529	21 - 23 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM ĐT: (84 8) 293 932	752 Hậu Giang, Quận 6, TP. HCM ĐT: (84 8) 38752 230
Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai ĐT: (84 61) 3 836 116	02 Đặng Thái Thân, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: (84 4) 38 261 030	

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển bền vững trên cơ sở không ngừng đầu tư, cải tiến để có thể cung cấp các sản phẩm và dịch vụ với chất lượng vượt trội, giữ vững vị thế hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất Pin vàẮc quy Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

❖ Chiến lược kinh doanh

- Tập trung vào thế mạnh cốt lõi là sản xuất kinh doanh Pin vàẮc quy. Trong đó duy trì sản xuất và kinh doanh Pin, đẩy mạnh tăng trưởng Ắc quy.
- Quan tâm củng cố năng lực cạnh tranh bằng các yếu tố: Chất lượng sản phẩm và dịch vụ vượt trội; sản phẩm đa dạng; chi phí cạnh tranh và uy tín thương hiệu.
- Xác định thị trường nội địa là sống còn. Phát huy thế mạnh của hệ thống phân phối rộng khắp trên toàn quốc để tiếp cận và nâng cao chất lượng phục vụ đến từng cửa hiệu. Tăng cường công tác marketing nhằm quảng bá và củng cố uy tín thương hiệu.
- Phát triển xuất khẩu để từng bước hội nhập kinh tế toàn cầu bằng sản phẩm chất lượng cao và kiên trì đầu tư xây dựng thương hiệu.

❖ Chiến lược đầu tư

- Không ngừng đầu tư đổi mới công nghệ và thiết bị sản xuất nhằm duy trì chất lượng vượt trội và đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của thị trường.
- Đầu tư mạnh cho hoạt động nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm và phát triển công nghệ mới để đáp ứng kịp thời các nhu cầu mới của thị trường.
- Đầu tư đổi mới thiết bị ngành pin để nâng cao năng suất, chất lượng và tìm kiếm các cơ hội đầu tư, phát triển ngành pin.

❖ Chiến lược nguồn nhân lực

- Coi nguồn nhân lực là nhân tố quyết định thành công của PINACO. Từ đó có chiến lược không ngừng nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, kỹ sư cử nhân – CNLĐ.
- Xây dựng kế hoạch dài hạn để quy hoạch bồi dưỡng, tuyển chọn đội ngũ cán bộ kế cận cấp cao và cấp trung. Tạo động lực cho cán bộ trẻ có trình độ phấn đấu vươn lên.
- Xây dựng môi trường làm việc cởi mở, tạo tính chủ động, phát huy tối đa tính sáng tạo cho toàn thể CB- NLĐ.
- Xây dựng chính sách lương thưởng rõ ràng, tạo cuộc sống ổn định cho người lao động và thu hút, khuyến khích người tài gắn bó lâu dài với PINACO.
- Quan tâm đến người lao động không chỉ về mặt vật chất mà còn về mặt tinh thần, tạo điều kiện giúp họ có cuộc sống ổn định và hạnh phúc từ đó gắn bó và tăng hiệu quả làm việc cho công ty.
- Tôn trọng quyền bình đẳng nam nữ, không phân biệt đối xử về mặt giới tính trong tuyển dụng lao động và trả lương đảm bảo sự công bằng về năng lực của mỗi người.

❖ **Chiến lược quản lý**

- Xây dựng và cam kết duy trì môi trường quản lý minh bạch, hiệu quả, lấy khách hàng làm trung tâm.
- Không ngừng cải tiến hệ thống quản lý theo chuẩn mực quốc tế và thông lệ tốt nhất. Coi đây là một ưu thế để cạnh tranh và góp phần đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng.

❖ **Chính sách về cổ tức**

Đảm bảo mức chi trả cổ tức hàng năm không thấp hơn 1,5 lần lãi suất huy động của ngân hàng. Tỷ lệ chi trả cổ tức cụ thể căn cứ vào hiệu quả kinh doanh từng năm, kế hoạch đầu tư... trên cơ sở kết hợp hài hòa lợi ích của Doanh nghiệp, cổ đông và người lao động. Trong đó cân nhắc đến nguyện vọng chung của các cổ đông không phân biệt cổ đông lớn, cổ đông nhỏ, cổ đông là tổ chức và cổ đông là cá nhân.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

❖ **Chính sách về môi trường**

- Tuân thủ nghiêm những quy định pháp luật về môi trường. Đầu tư hệ thống quản lý môi trường, trang thiết bị thu gom, xử lý và kiểm soát các yếu tố ô nhiễm để đảm bảo sản xuất đáp ứng các yêu cầu pháp luật về môi trường.
- Không ngừng cải tiến qui trình sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải ngay từ nguồn và kiểm soát ngày càng hiệu quả hơn các nguy cơ ô nhiễm.
- Duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001.

❖ **Trách nhiệm xã hội**

- Đảm bảo sản xuất và cung cấp những sản phẩm có chất lượng tốt, an toàn đối với con người và môi trường theo các tiêu chuẩn chất lượng, chính sách bảo hành, cam kết trách nhiệm của công ty và các qui định pháp luật liên quan.
- Hàng năm dành một phần lợi nhuận đóng góp cho các hoạt động từ thiện, trợ giúp cộng đồng, san sẻ gánh nặng với các hoàn cảnh khó khăn, góp phần giảm áp lực cho xã hội.

CÁC RỦI RO

❖ **Rủi ro kinh tế vĩ mô**

Năm 2014 kinh tế Việt Nam đã từng bước phục hồi nhưng hiệu quả đầu tư thấp, tỷ lệ nợ xấu cao, ... tác động đến hoạt động kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp, người dân phải thắt chặt chi tiêu, tổng cầu yếu, tất cả khiến kinh tế Việt Nam chưa phục hồi vững chắc.

❖ **Rủi ro tài chính**

- PINACO sử dụng nguồn vốn vay chiếm khoảng 40% trên tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là vay ngoại tệ nên khi lãi suất, tỷ giá biến động sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.
- Một thế mạnh của PINACO là trên 90% khách hàng mua thanh toán ngay và hầu hết các nhà cung cấp đều chấp nhận cho công ty thanh toán chậm từ 30 đến 90 ngày khi cần giúp giảm áp lực thanh khoản cho công ty.

- Về tỷ giá, gần 20% doanh thu của Công ty là từ xuất khẩu nên đã kéo giảm khoản chênh lệch ngoại tệ giữa nhập và xuất, bên cạnh đó chính sách ổn định tỷ giá của chính phủ cũng làm giảm bớt rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Về phần mình, PINACO luôn có chiến lược dự phòng cho tình huống tỷ giá biến động để bảo đảm thực hiện được mục tiêu kinh doanh đã định.

❖ **Rủi ro đặc trưng ngành**

- Đặc trưng ngành sản xuất Pin và Ắc quy đòi hỏi có sự đầu tư về máy móc, trang thiết bị cũng như công nghệ sản xuất mới. Đây là yếu tố ngăn cản rủi ro nhiều công ty mới tham gia.
- Tuy nhiên cạnh tranh đang trở nên ngày càng gay gắt với các hãng Ắc quy hàng đầu trên thế giới có lợi thế về quy mô và công nghệ. PINACO xác định phải không ngừng đầu tư, nâng cao năng suất lao động, kiểm soát chi phí để đối phó với rủi ro này.
- Sản xuất Pin và Ắc quy thuộc nhóm ngành sản xuất hóa chất có yếu tố gây ô nhiễm. Bên cạnh việc đầu tư các hệ thống kiểm soát ô nhiễm trong sản xuất, tuân thủ các qui định pháp luật về quản lý chất thải nguy hại, công ty còn phải xây dựng phương án ứng phó với các sự cố hóa chất có thể xảy ra và hình thành mạng lưới thu gom sản phẩm thải bỏ sau quá trình xử dụng theo qui định mới của pháp luật có hiệu lực từ tháng 6/2015.

❖ **Rủi ro sản phẩm thay thế**

Công nghệ nguồn điện đang thay đổi rất nhanh với sự xuất hiện nhiều công nghệ mới và không ngừng được cải tiến, hoàn thiện: pin, ắc quy Lithium-Ion, Pin Nhiên liệu.v.v.thậm chí có một số công nghệ đã thay thế sản phẩm của PINACO ở 1 vài phân khúc nhất định như: đèn sạc, điện thoại, xe đạp điện và nhu cầu pin đại đang suy giảm mạnh...Tuy nhiên, nhu cầu sử dụng ắc quy chì acid và pin truyền thống cỡ nhỏ vẫn rất phổ biến và tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới, rủi ro sản phẩm thay thế chưa cao. Công ty đang tăng cường xuất khẩu, đầu tư mạnh cho hoạt động R&D và tích cực tìm kiếm các công nghệ mới thay thế công nghệ hiện hữu để có thể đầu tư phát triển trong tương lai.

❖ **Rủi ro pháp lý**

- Là một Công ty cổ phần đã niêm yết trên sàn chứng khoán, cộng thêm hoạt động kinh doanh của Công ty có sự tham gia của hoạt động xuất nhập khẩu, PINACO phải chịu sự ảnh hưởng và chi phối của các bộ luật Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật pháp quốc tế...các Nghị định, thông tư và các văn bản luật pháp liên quan khác. Bên cạnh đó, khi xuất khẩu hàng hóa sang nước ngoài, doanh nghiệp còn có thể phải đối mặt với những quy định pháp luật của quốc gia sở tại cùng những chính sách bảo hộ doanh nghiệp nội địa và chống bán phá giá.
- ngành Pin và Ắc quy có tính chất độc hại và Công ty cam kết tuân thủ đúng các chính sách quy định của pháp luật về môi trường nên dù Công ty đã có đầu tư tốt cho hệ thống quản lý và kiểm soát chất độc hại nhưng vẫn tiềm ẩn rủi ro nếu nhà nước có các thay đổi quy định về môi trường.
- Công ty luôn ý thức cập nhật và tìm hiểu thông tin pháp lý liên quan để chủ động điều hành hoạt động kinh doanh phù hợp với pháp luật của Nhà nước.

❖ **Rủi ro về giá kim loại và tỷ giá**

Nguyên liệu kim loại chì và kẽm chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành và đa số là nhập khẩu. Biến động lên, xuống của giá kim loại màu cũng như tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến giá thành. Chính sách mua theo giá bình quân tháng và tăng cường nguồn mua nội địa giúp PINACO kiểm soát được sự biến động và có thời gian đưa ra biện pháp ứng phó.

❖ **Rủi ro khác**

Những rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất ngờ có thể gây thiệt hại lớn về người và tài sản cho Công ty. Do đó, PINACO luôn ý thức phải phòng ngừa những rủi ro này ở mức tối đa có thể, bằng các hoạt động đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và tham gia đầy đủ các chương trình bảo hiểm đối với các sự cố cháy nổ, thiên tai, ...

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

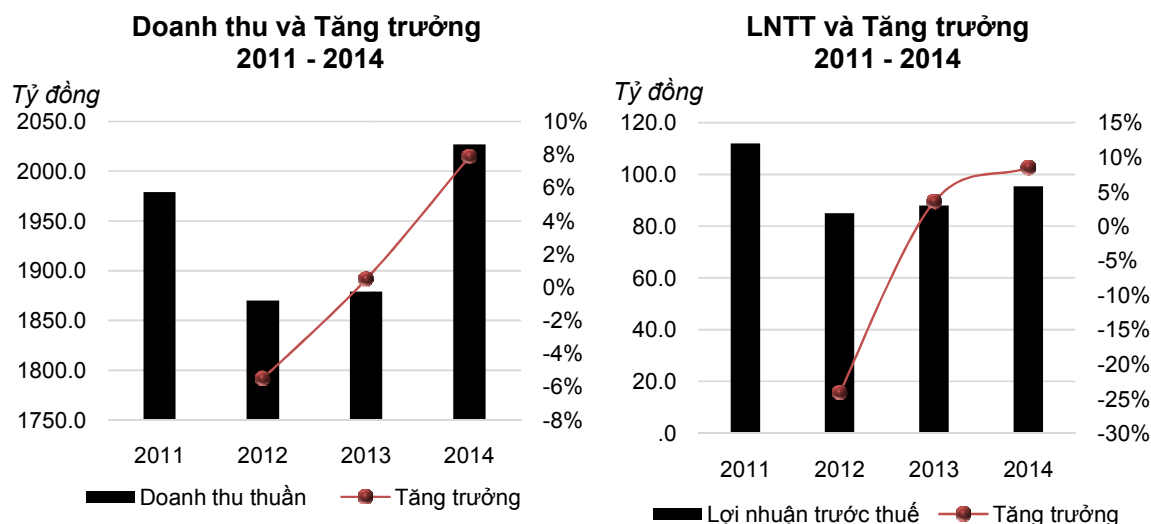
- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tổ chức và nhân sự
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Cơ cấu cổ đông, thay đổi thông tin cổ đông
-



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2014	TH 2014/ TH 2013	TH 2014/ KH 2014
Doanh thu	Tỷ đồng	1.879	2.027	1.950	107,8%	103,9%
Lợi nhuận	Tỷ đồng	87,55	95,44	90,00	109,0%	106,0%
Cổ tức	%	20%	45% (*)	≥15%	225%	300%

(*) Đã tạm ứng tiền mặt 15%, dự kiến chia thêm 30% và chờ ĐHCĐ thông qua



Năm 2014, công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch ở cả 2 chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận. Trong đó, doanh thu vượt kế hoạch 3,9%, tăng trưởng 7,8% so với năm 2013. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) vượt kế hoạch 6% và tăng trưởng 9% so với năm 2013.

Doanh thu tăng trưởng tốt nhờ sản lượng tiêu thụ ắc quy tăng trưởng gần 10%. Ngoài ra còn có sự góp phần từ hoạt động xuất khẩu tăng trưởng 13% so năm trước.

Năm qua công ty kiểm soát khá tốt chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp với mức ổn định lần lượt là 11,7% và 1,9% so với doanh thu.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Ban điều hành

Danh sách và Tóm tắt lý lịch Ban điều hành

Thông tin	Ông Trần Thanh Văn	Bà Nguyễn Bảo Hạnh	Ông Nguyễn Duy Hưng
	Tổng Giám Đốc	Phó Tổng Giám Đốc	Q. Trưởng phòng Kế toán
Ngày sinh	03/01/1960	17/03/1960	10/05/1973
Quê quán	Bến Tre	Hưng Yên	Hà Tĩnh
Dân tộc	Kinh	Kinh	Kinh
Tôn giáo	Không	Không	Không
Nơi thường trú	15 Nguyễn Văn Mai, Quận 3, Tp.HCM	159/13 Phạm Thế Hiển, Phường 3, Quận 8, Tp.HCM	D7.2 785/1 Lũy Bán Bích, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú TPHCM
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí – Thạc sĩ kinh tế	Kỹ sư máy và thiết bị hóa chất - Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh	Cử nhân kinh tế
Lý luận chính trị	Cao cấp chính trị	-	-
Chức vụ hiện nay	Đảng: Bí thư Đảng ủy Công ty CP Pin Ác Quy Miền Nam. Chính quyền: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Phó Tổng Giám Đốc	Quyền trưởng phòng Kế toán
Cơ quan công tác	Công ty cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam (PINACO)		
Số lượng cổ phần nắm giữ và được ủy quyền	8.456.503 cổ phiếu	6.072 cổ phiếu	494 cổ phiếu

Chính sách đối với người lao động trong Công ty

Cơ cấu lao động trong Công ty

STT	Tiêu chí	Số người (tại 31/12/2014)	Số người (tại 31/12/2013)	Tỷ trọng (%) 2014
I	Theo trình độ lao động	1.094	1.171	100%
1	Trên đại học, đại học	245	252	22,4%
2	Cao đẳng, Trung cấp, Công nhân kỹ thuật	238	248	21,7%
3	Phổ thông trung học, khác	611	671	55,9%
II	Theo loại hợp đồng lao động	1.094	1.171	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	776	769	70,9%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	255	307	23,3%
3	Hợp đồng dưới 1 năm	63	95	5,7%
III	Theo giới tính	1.094	1.171	100%
1	Nam	928	985	84,8%

2	Nữ	166	186	15,2%
---	----	-----	-----	-------

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2013	% 2014/2013
Tổng số lượng cán bộ/ nhân viên	người	1.094	1.171	93,4%
Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	9.060.000	8.870.000	102,1%

❖ Công tác Nhân sự - Tiền lương

Bảo đảm việc làm và thu nhập của người lao động. Thu nhập trước thuế bình quân toàn công ty đạt trên 12 triệu đồng/người.tháng, tăng 10% so năm trước.

Công ty thực hiện mua bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn để người lao động yên tâm làm việc và giảm bớt khó khăn trong những lúc ốm đau, bệnh tật.

Tổ chức nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, nhân viên trong Công ty: Các chiến dịch thi đua, chính sách phúc lợi ưu việt và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, .v.v.



Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2013	% 2014/2013
Tổng giá trị tài sản	Đồng	1.251.690	1.430.558	87,5%
Doanh thu thuần	Đồng	2.026.330	1.879.025	107,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	94.874	86.923	109,1%
Lợi nhuận khác	Đồng	1.007	627	160,6%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	95.562	87.551	109,1%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	74.524	61.326	121,6%
Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	%	45%	20%	225,0%

Các hệ số tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2013
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,18	1,09
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,57	0,55
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	59,1	65,0
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	144,7	186,6
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,50	3,35
Hiệu suất sử dụng tài sản	Lần	1,51	1,46
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,67	3,26
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,74	11,93
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,55	4,76
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,67	4,63

Trong năm 2014, tình hình tài chính của công ty đã cải thiện nhiều. Tuy doanh thu tăng gần 8% nhưng tổng nợ giảm gần 20% giúp hệ số Nợ/Tổng TS giảm xuống còn 59,1% so với mức 65% của năm 2013. Theo đó, hệ số thanh toán cũng tăng trong năm qua.

Hiệu quả kinh doanh của công ty được cải thiện đáng kể với những chỉ số cụ thể như sau: Tỷ suất LNST/doanh thu đã cải thiện từ 3,26% lên mức 3,67%; ROE tăng từ 11,93% lên mức 14,74%; ROA đạt 5,55% so với mức 4,76% của năm 2013. vượt kế hoạch và nâng cao hiệu quả kinh doanh trong năm qua.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

- ❖ Tổng số cổ phần phát hành: 26.987.843 cổ phần
 - Cổ phiếu quỹ: 362.812 cổ phần
 - Cổ phiếu đang lưu hành: 26.625.031 cổ phần
- ❖ Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- ❖ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông (ngày 15/12/2014)

STT	Loại cổ đông	Số lượng (cổ đông)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu /VDL
I	Cổ đông trong nước	814	19.729.435	197.294.350.000	73,10%
1	Cổ đông nhà nước	01	13.854.072	138.540.720.000	51,33%
2	Cổ đông tổ chức	23	92.049	920.490.000	0,34%
3	Cổ đông cá nhân	790	5.783.314	57.833.140.000	21,43%
II	Cổ đông nước ngoài	163	6.895.596	68.955.960.000	25,55%
1	Cổ đông tổ chức	25	6.635.654	66.356.540.000	24,59%
2	Cổ đông cá nhân	138	259.942	2.599.420.000	0,96%
III	Cổ phiếu quỹ	-	362.812	3.628.120.000	1,34%
	Tổng cộng	977	26.987.843	269.878.430.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng (CP)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (% cp biểu quyết)
1	TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM	13.854.072	138.540.720.000	52,03%
2	BEIRA LIMITED	1.394.110	13.941.100.000	5,24%

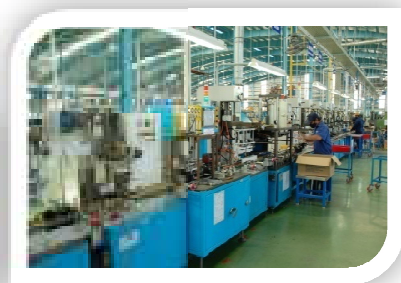
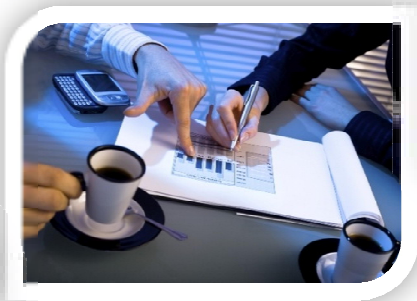
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
 - ❖ Kế hoạch phát triển trong tương lai
-



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(Theo Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2013
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	2.027.040	1.879.167
2	Các khoản giảm trừ	Triệu đồng	709	142
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	2.026.330	1.879.024
4	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	1.648.833	1.532.158
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	377.497	346.867
6	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	21.072	18.849
7	Chi phí tài chính	Triệu đồng	29.871	21.947
-	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>18.685</i>	<i>14.985</i>
8	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	237.436	219.796
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	36.504	37.050
10	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Triệu đồng	94.758	86.923
11	Thu nhập khác	Triệu đồng	1.007	929
12	Chi phí khác	Triệu đồng	319	302
13	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	688	627
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	95.446	87.551
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	Triệu đồng	20.597	28.137
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Triệu đồng	44	(1.912)
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	74.524	61.326
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	2.801	2.307

Năm 2014, tình hình kinh tế vĩ mô dần cải thiện, GDP tăng trưởng 5,89%, thị trường tài chính tiền tệ, tỷ giá ổn định, lãi suất ngân hàng giảm mạnh, kinh tế dần phục hồi giúp sức mua của thị trường được cải thiện.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thuận lợi

Giá chỉ bình quân năm thấp hơn 2%, trong khi giá kẽm tăng 13% so 2013. Giá các vật tư, nguyên liệu, dịch vụ đầu vào khác tuy đầu năm có tăng nhưng đến gần cuối năm đã dần ổn định theo đà giảm của giá dầu, giúp công ty hoàn thành vượt chỉ tiêu lợi nhuận.

Hệ thống phân phối sâu rộng giúp chúng ta nắm chắc thị trường, duy trì doanh số dù sức mua không tăng nhiều và cung vượt xa cầu.

Chủ trương kiểm soát xe quá khổ quá tải, tình hình kinh tế khởi sắc tác động tích cực với ngành ắc quy do số lượng xe và lưu lượng vận chuyển tăng.

Khó khăn

Một số sản phẩm truyền thống tiêu thụ giảm do thay đổi nhu cầu như pin R20, ắc quy dân dụng, bình xe gắn máy truyền thống, ... ảnh hưởng đến doanh thu tiêu thụ.

Các sản phẩm ắc quy gắn máy kín còn gặp khó khăn ở một số thị trường do tâm lý e ngại chất lượng biến động trước đây. Một số sản phẩm khả năng cạnh tranh không cao do chi phí sản xuất còn cao: ắc quy CMF, ắc quy PA, pin các loại.

Thị trường ắc quy cạnh tranh ngày càng quyết liệt khi một số đối thủ chuyển sang tấn công trực tiếp vào thị phần của PINACO không chỉ bằng giá rẻ mà bằng cả các chiến dịch marketing quy mô.

Thành quả đạt được

Năm 2014 là năm đầu tiên công ty vượt ngưỡng 2.000 tỷ doanh thu, trở thành nhà cung cấp cho các thương hiệu danh giá như FORD, MAZDA, KIA, HONDA, YAMAHA, PIAGGIO, ... Cùng với sự kiện được công nhận "Thương hiệu quốc gia" lần thứ 2 liên tiếp và hàng loạt các giải thưởng: Q1 của Ford, "Nhà cung cấp có cải tiến tốt nhất" của Honda Việt Nam, ... đã chứng tỏ bước trưởng thành của PINACO trên tiến trình hội nhập vào kinh tế toàn cầu, củng cố uy tín trên thị trường và giúp chúng ta tự tin tham gia vào ngành công nghiệp phụ trợ trong nước cũng như quốc tế.

Trong điều kiện kinh tế chung còn chưa hết khó khăn (theo số liệu của Tổng cục thuế năm 2014 chỉ có 30% các doanh nghiệp kinh doanh có lãi), PINACO là một trong số ít công ty của Tập Đoàn Hóa Chất hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động với thu nhập tăng 10% so năm trước. Công ty là 1 trong 5 đơn vị của Tập đoàn Hóa chất Việt nam được nhận cờ Thi đua của chính phủ trong năm 2014.

Thực hiện các chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Cùng kỳ
Doanh thu	Tỷ đồng	1.950	2.027	104%	108%
Lợi nhuận tr. thuế	Tỷ đồng	90	95,5	106%	109%
Cổ tức	%	≥15	45% ^(*)	300%	225%

(*) Đã tạm ứng tiền mặt 15%, dự kiến chia thêm 30% và chờ ĐHCĐ thông qua

❖ Về Thị trường và Tiêu thụ sản phẩm

Chất lượng sản phẩm được duy trì vượt trội, cạnh tranh tốt trên thị trường. Các sản phẩm mới chất lượng tốt, tiêu thụ tăng mạnh: ắc quy CMF, ắc quy gắn máy kín tiêu thụ tăng 1,76 lần so năm trước, doanh thu bán vào OEM tăng 35% so năm trước, đưa tổng doanh thu tiêu thụ nội địa tăng 6% so năm trước.

Mở thêm thị trường xuất khẩu sang Trung Quốc, Sri Lanka, Togo, ... Tăng trưởng tốt doanh số tại các thị trường truyền thống như Cambodia, Myanmar, UAE, .. giúp doanh thu xuất khẩu tăng 13% so năm trước.

Phát huy thế mạnh của hệ thống phân phối để cạnh tranh, giữ vững thị phần. Tăng cường kiểm soát, xử lý bán phá giá, lấn vùng để giảm dần cạnh tranh nội bộ, giúp NPP/ĐL yên tâm kinh doanh sản phẩm của PINACO, .v.v.

Thực hiện các chiến dịch marketing trên các phương tiện truyền thông để quảng bá hình ảnh và giúp người tiêu dùng biết tới các sản phẩm mới của PINACO.

❖ Tình hình các dự án đầu tư

Dự án xây dựng Trung tâm Thương mại, cao ốc văn phòng tại cơ sở 445-449 Gia Phú: Các đối tác còn lại của công ty Việt Gia Phú đã cấp chứng thư bảo lãnh ngân hàng trị giá 10 tỷ đồng để được giải phóng mặt bằng, triển khai một số công tác chuẩn bị trong khi vẫn tiến hành các thủ tục để có thể sớm triển khai dự án.

❖ Về hoạt động Kỹ thuật – Sản xuất

Cải tiến nâng chất lượng ắc quy để thực hiện mục tiêu “Chất lượng vượt trội” so với các nhãn hiệu cạnh tranh, tạo được niềm tin đối với các khách hàng cả ở thị trường trong nước và xuất khẩu. Công ty cũng đã phát triển đầy đủ chủng loại của các dòng sản phẩm mới.

Công tác tiết kiệm chi phí được triển khai mạnh mẽ với nhiều giải pháp: Quy hoạch lại sản xuất giữa các xí nghiệp sản xuất ắc quy theo hướng chuyên môn hóa, xử dụng nguyên liệu vật tư trong nước thay thế nguồn nhập khẩu, chủ động tìm kiếm nguồn vốn giá rẻ và sử dụng tốt dòng tiền, kiểm soát chặt chi phí bán hàng, hàng tồn kho.v.v. góp phần giúp công ty hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận.

Hoàn thành các dự án đầu tư trong kế hoạch: bổ sung một số thiết bị lẻ cho sản xuất và nghiên cứu
 áp quy: Máy sấy thẻ, Lò ủ thẻ, các thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu như: kính hiển vi điện tử, máy
 thử rung, .v.v. với tổng kinh phí trên 33 tỷ đồng.

Duy trì hệ thống bảo đảm chất lượng ISO 9001: 2008, ISO/TS 16949, hệ thống tiêu chuẩn phòng thí
 nghiệm ISO/IEC17025, hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 và thực hiện 5S trong
 toàn công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	% so với 2013	Cơ cấu Tài sản 2014	Cơ cấu Tài sản 2013
Tài sản ngắn hạn	867.201	1.010.230	85,8%	69,28%	70,62%
Tài sản dài hạn	384.488	420.327	91,5%	30,72%	29,38%
TỔNG TÀI SẢN	1.251.690	1.430.558	87,5%	100%	100%

(ĐVT: đồng)

Tổng tài sản Công ty năm 2014 là 1.251,69 tỷ đồng, giảm 12,5% so với năm 2013; đầu tư tài chính ngắn
 hạn giảm 31 tỷ đồng (giảm tương ứng 17,9%) so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu đến từ việc giảm các
 khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn của công ty. Tiền và các khoản tương đương tiền đạt 200 tỷ đồng tương
 đương so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu tài sản của công ty được duy trì ổn định trong 2 năm qua.

Tình hình nợ

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	% so với 2013	Cơ cấu Nợ 2014	Cơ cấu Nợ 2013
Nợ ngắn hạn	736.115	929.389	79,20%	99,44%	99,94%
Nợ dài hạn	4.123	562	733,62%	0,56%	0,06%
NỢ PHẢI TRẢ	740.238	929.952	79,59%	100%	100%

(ĐVT: đồng)

Về cơ cấu nợ năm 2014 không biến động gì so với năm 2013, tỷ trọng nợ ngắn hạn vẫn chiếm hơn 99%
 và nợ dài hạn chiếm ít hơn khoảng 0,56% nợ phải trả.

Nợ phải trả năm 2014 giảm 20,41% so với năm 2013, đạt 740,238 tỷ đồng. Nguyên nhân do công ty giảm
 mạnh khoản phải trả cho khách hàng từ 291 tỷ đồng xuống còn 95,5 tỷ đồng. Vay ngắn hạn của công ty
 được duy trì tương đương với mức của cùng kỳ năm trước (khoảng 480 – 487 tỷ đồng). Vay dài hạn tăng
 lên mức 4,1 tỷ đồng trong năm vừa qua.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Những cải tiến trong năm 2014

- Thực hiện các chiến dịch marketing trên các phương tiện truyền thông để quảng cáo cho sản phẩm mới và quảng bá hình ảnh của PINACO nhân các sự kiện công ty đạt chứng nhận Q1, "Thương hiệu quốc gia".
- Hoàn thành qui hoạch sản xuất 3 nhà máy ắc quy theo hướng chuyên môn hóa để tăng năng suất, tiết kiệm chi phí.
- Kiểm soát chặt các khoản chi phí: Giảm tồn kho vật tư, phụ tùng, chuyển dần việc nhập khẩu vật tư từ hình thức CIF sang FOB để tiết kiệm chi phí.
- Ứng dụng mã vạch và mã số riêng cho từng sản phẩm ắc quy để kiểm soát hiệu quả việc bán phá giá lẩn vùng và hạn chế gian lận bảo hành góp phần giảm mạnh chi phí ắc quy bảo hành.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Nhân định tình hình chung

Năm 2015 được dự báo môi trường kinh doanh sẽ tốt hơn nhờ hàng loạt thay đổi thể chế nhằm tạo môi trường kinh doanh thông thoáng hơn: Luật đầu tư sửa đổi, luật doanh nghiệp sửa đổi, cải cách thủ tục thuế và hải quan... Giá dầu thế giới giảm kéo theo giá xăng dầu trong nước, giá cả vật tư nguyên liệu đầu vào, dịch vụ đang giảm theo sẽ giúp các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuận lợi hơn.

❖ Thuận lợi

- Nền kinh tế phục hồi nên sức mua kỳ vọng sẽ được cải thiện, chất lượng sản phẩm ổn định và không ngừng được cải tiến, cơ cấu sản phẩm đa dạng đã tạo niềm tin với người tiêu dùng.
- Chủ trương kiểm soát xe quá tải, hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư tạo cơ hội gia tăng phương tiện vận chuyển kéo theo nhu cầu ắc quy kỳ vọng sẽ tăng trong thời gian tới.
- Sản xuất ắc quy của công ty đã được quy hoạch theo hướng chuyên môn hóa, tạo điều kiện để các xí nghiệp tiếp tục hợp lý hóa sản xuất, tiết giảm chi phí, hạ giá thành góp phần nâng khả năng cạnh tranh của PINACO trên thị trường.

❖ Khó khăn

- Hàng ngoại nhập có nhiều cơ hội vào Việt nam hơn khi các rào cản được dỡ bỏ dần theo các cam kết tự do thương mại.
- Các công ty đối thủ cạnh tranh quyết liệt trên thị trường bằng nhiều chiêu thức mới: tăng cường quảng cáo, khuyến mãi, tung ra dòng sản phẩm giá thấp...
- Các dây chuyền ắc quy GM kín, ắc quy CMF đã chạy gần hết công suất trong khi nhu cầu đang tăng mạnh, rất dễ xảy ra thiếu công suất trong tương lai gần.
- Công ty sẽ phải thực hiện di dời nhà máy pin Con Ó khỏi nội thành Tp.HCM theo chủ trương của thành phố. Điều này sẽ tạo thêm áp lực chi phí trong năm nay.

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015
Giá trị sản xuất công nghiệp	1.975 tỷ đồng
Tổng doanh thu	2.100 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	100 tỷ đồng
Cổ tức	15%

Nhiệm vụ chung

- Phát huy thế mạnh của hệ thống phân phối trong cạnh tranh, chú trọng đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm công nghệ mới, khai thác các phân khúc còn trống, thị trường xuất khẩu, ... Phấn đấu tăng trưởng 10% doanh thu.
- Duy trì chất lượng vượt trội và ổn định để khẳng định đẳng cấp, uy tín. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng thống nhất toàn công ty. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy trình công nghệ, phát hiện và xử lý kịp thời các biến động, không để sản phẩm kém chất lượng lọt ra thị trường.
- Tìm mọi biện pháp để tiết giảm chi phí, hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Quan tâm nghiên cứu cải tiến công nghệ, giảm tiêu hao vật tư và thay thế các loại vật tư giá rẻ để giảm giá thành.
- Tích cực nghiên cứu và tìm nguồn đầu tư công nghệ sản xuất các dòng sản phẩm mới thị trường đang có nhu cầu: ắc quy công nghiệp, ắc quy viễn thông, ISS, pin cao cấp... để có thêm cơ hội tăng trưởng.
- Từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ sung nhân sự các vị trí còn thiếu, đổi mới chính sách nhân sự, chính sách đãi ngộ để khuyến khích làm việc hiệu quả và lưu giữ người tài.

Phương hướng, biện pháp cụ thể

❖ Công tác Tiêu thụ - Thị trường

- Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống phân phối trên cả nước, bám sát thị trường để có chính sách bán hàng phù hợp nhất. Tiếp tục tìm cơ hội bán hàng vào các OEM mới. Chú ý đẩy mạnh tiêu thụ các dòng sản phẩm mới: VRLA gắn máy, CMF, .v.v.
- Đầu tư xây dựng thương hiệu, hỗ trợ khách hàng để đẩy mạnh doanh số xuất khẩu những thị trường truyền thống, tìm kiếm thêm nhiều thị trường mới để phát huy tối đa công suất máy móc thiết bị.
- Triển khai phần mềm quản lý NPP và NV bán hàng nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống phân phối. Quản lý chặt chẽ chi phí bán hàng, chi phí bảo hành để giảm chi phí bán hàng.
- Tiếp tục đầu tư mạnh cho hoạt động marketing để quảng bá thương hiệu và xây dựng niềm tin của người tiêu dùng vào sản phẩm của PINACO.

❖ Công tác kỹ thuật sản xuất

- Duy trì hệ thống quản trị chất lượng toàn diện và cải tiến liên tục để bảo đảm chất lượng sản phẩm ổn định vượt trội. Chuẩn hóa công nghệ, bán thành phẩm sản xuất ắc quy để bảo đảm chất lượng và tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục đẩy mạnh chương trình tiết kiệm chi phí để tăng hiệu quả và năng lực cạnh tranh: quy hoạch sản xuất thẻ để phát huy dây chuyền concast, sử dụng vật tư nội địa thay thế một phần nhập khẩu, cải tiến, hợp lý hóa sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, nhanh chóng áp dụng tiến bộ công nghệ nhằm giảm chi phí sản xuất, kiểm soát chặt các chi phí vật tư, bán hàng.v.v..
- Tiếp tục đa dạng hóa các dòng sản phẩm pin, ắc quy mà thị trường đang có nhu cầu: ắc quy trạm viễn thông, ắc quy Tubular, pin R6, R03 không Pb, Hg, .v.v. và tiếp cận, nghiên cứu các sản phẩm pin, ắc quy công nghệ cao để chuẩn bị cho tương lai.
- Đầu tư khắc phục triệt để các yếu tố gây ô nhiễm môi trường, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và tuân thủ nghiêm các qui định pháp luật về môi trường và trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng.

❖ **Đổi mới tổ chức, quản lý**

- Bổ sung, hoàn thiện hệ thống qui chế quản lý, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ để kiểm soát chi phí và phòng ngừa rủi ro.
- Hoàn thiện tổ chức từ công ty đến các xí nghiệp. Bổ nhiệm những cán bộ có năng lực vào vị trí còn trống, luân chuyển cán bộ để đào tạo đội ngũ kế thừa, tiến tới chấm dứt tình trạng thiếu cán bộ quản lý của công ty.
- Áp dụng hệ thống lương mới, thực hiện việc giao và đánh giá công việc theo KPI và các chế độ, chính sách đãi ngộ mới đi kèm: Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn...cho toàn công ty Công tác đầu tư.

❖ **Công tác đầu tư**

- Đầu tư tăng sản lượng ắc quy xe gắn máy kín, ắc quy xe đạp điện và ắc quy CMF để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ đang tăng nhanh.
- Tiến hành thoái vốn khỏi dự án xây dựng Trung tâm Thương mại, cao ốc văn phòng tại cơ sở 445-449 Gia Phú và nhận hỗ trợ di dời đầu tư cho ngành pin ắc quy.
- Tìm kiếm khả năng đầu tư công nghệ mới và di dời sản xuất pin ra khỏi nội thành theo yêu cầu của UBND TP.HCM và hướng hợp tác khai thác địa điểm 752 Hậu Giang sao cho hiệu quả nhất.

❖ **Phong trào thi đua – Công tác xã hội**

- Triển khai các hoạt động thi đua nhân các sự kiện: Kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII.
- Quan tâm chăm lo đời sống, việc làm và các quyền lợi của người lao động, giúp đỡ cho những người có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị hiểm nghèo và tích cực tham gia công tác xã hội, từ thiện.v.v.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

-
- ❖ Đánh giá của hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty
 - ❖ Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
 - ❖ Các kế hoạch, định hướng
-



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về kế hoạch kinh doanh: thực hiện 2.027 tỷ đồng

- Năm 2014, công ty đã hoàn thành 104% kế hoạch và tăng 8% so với cùng kỳ năm trước, năm đầu tiên công ty vượt ngưỡng 2.000 tỷ đồng (đạt 2.027 tỷ đồng), đây cũng là sự kiện quan trọng đánh dấu tiến trình phát triển đi lên của công ty.
- Doanh thu tăng 148 tỷ đồng so với năm 2013 tập trung vào tăng trưởng của ngành ắc quy, trong đó có sự đóng góp lớn của sản phẩm ắc quy miễn bảo dưỡng CMF, ắc quy gắn máy kín khí với tốc độ tăng trưởng là 75%, điều quan trọng hơn, trong năm 2014 với sản phẩm bình kín xe gắn máy kín khí đã khôi phục thị phần bình gắn máy sau 10 năm suy giảm liên tục. Dự báo các dòng sản phẩm này phù hợp với xu thế chuyển đổi thị hiếu người tiêu dùng nên sẽ tiếp tục tăng trưởng cao trong tương lai.

Về chỉ tiêu lợi nhuận: đạt 95,5 tỷ đồng

- Công ty đã hoàn thành 106% kế hoạch và tăng 9% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu tăng thêm 148 tỷ đồng, lợi nhuận tăng thêm 7,8 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận phần doanh thu tăng thêm là 5,2% cao hơn tỷ suất bình quân chưa nhiều do phải đầu tư cho quảng bá thương hiệu, quảng cáo cho sản phẩm mới, phát triển sản phẩm mới, .v.v.

Về chỉ tiêu cổ tức: tỷ lệ chia 45% Vốn Điều lệ

- Kế hoạch chia cổ tức $\geq 15\%$, đến tháng 11, công ty đã chia 15% cổ tức bằng tiền mặt với tổng số tiền là: 39.937.546.500 đồng.
- Từ lần chia cổ phiếu thưởng gần nhất vào năm 2011, đến nay doanh thu và tổng tài sản của công ty tăng thêm khoảng 70% so với năm 2011, quy mô của công ty đã tăng lên rất nhiều. Hội đồng quản trị dự kiến năm 2014 sẽ chia thêm 30% cổ tức, nâng mức chia cổ tức năm 2014 lên 45% và chờ ĐHCĐ thông qua, trong đó có 15% bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của công ty lên trên 300 tỷ cho tương xứng với qui mô công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Năm 2014, trong bối cảnh kinh tế khó khăn, HĐQT đã sát cánh cùng Ban điều hành kịp thời đưa ra những quyết sách linh hoạt đảm bảo mục tiêu “Tăng trưởng bền vững - hiệu quả”. Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, trong năm Ban Tổng Giám đốc đã:

- Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đã tổ chức điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông và sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị.
- Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã rất nỗ lực, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Hệ thống quản lý hoạt động nhịp nhàng, hiệu quả giúp công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch với hiệu quả cao.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhận định tình hình

Những dấu hiệu cho thấy triển vọng kinh tế Việt Nam đã bước sang giai đoạn phục hồi. Năm 2015 được đánh giá là có nhiều thuận lợi hơn so với năm 2014. Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 được Quốc hội thông qua đặt mục tiêu GDP tăng 6,2% và tiếp tục ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô. Năm 2015 cũng sẽ có rất nhiều sự kiện diễn ra: Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) đi vào hoạt động vào cuối năm, dự kiến sẽ ký kết Hiệp định Thương mại tự do với Hàn Quốc, Hiệp định Thương mại tự do với Liên minh châu Âu (EU) và Hiệp định Hợp tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Tất cả các nhân tố trên đều tạo ra cơ hội và thách thức, đòi hỏi phải nhận định đúng để chớp cơ hội và tránh được các rủi ro, tạo sự phát triển bền vững cho Công ty.

Mục tiêu kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2014	So sánh (%)	
				Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014
Doanh thu	Tỷ đồng	2.100	2.027	108%	104%
LNTT	Tỷ đồng	100	95,56	111%	105%
Cổ tức	%	≥15%	45% ^(*)	100%	33%

(*) Đã tạm ứng tiền mặt 15%, dự kiến chia thêm 30% và chờ ĐHCĐ thông qua

Kế hoạch hoạt động

- Chỉ đạo Ban Điều hành tập trung phát triển thị trường tại các thành phố, mở rộng thị trường vùng sâu, miền núi. Tiếp tục đầu tư cho hoạt động quảng bá thương hiệu.
- Tiết giảm chi phí, hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm với mục tiêu giảm được 2% giá thành sản xuất.
- Tích cực nghiên cứu và tìm nguồn đầu tư công nghệ sản xuất: ắc quy công nghiệp, ắc quy viễn thông, ISS, pin cao cấp... để có thêm cơ hội tăng trưởng.
- Đầu tư mở rộng sản xuất và tiếp tục nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm để đón đầu nhu cầu tăng trưởng khi kinh tế phục hồi.
- Từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ sung nhân sự các vị trí còn thiếu, đổi mới chính sách nhân sự, chính sách đãi ngộ để người lao động yên tâm và nỗ lực làm việc.
- Tăng cường giám sát công tác quản lý, kiểm tra tính tuân thủ, giám sát chặt chẽ khả năng thanh toán để phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh...
- Triển khai thoái vốn đầu tư tại Công ty TNHH kinh doanh BĐS Việt Gia Phú, thu tiền đền bù. Hợp tác khai thác cơ sở đất tại 752 Hậu Giang để giảm bớt gánh nặng chi phí khi di dời nhà máy ra khu công nghiệp theo yêu cầu của UBND TP.HCM.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ Hội đồng quản trị
 - ❖ Ban kiểm soát
 - ❖ Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Ban TGD và BKS
-



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu	Thành viên độc lập
1	Trần Thanh Văn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	8.456.503 cổ phần (chiếm 31,33%)	Không
2	Ngô Đình Luyện	Thành viên HĐQT	5.397.569 cổ phần (chiếm 20%)	Không
3	Phạm Kiều Diễm	Thành viên HĐQT	45.696 cổ phần (chiếm 0,17%)	Không
4	Cao Trọng Miên	Thành viên HĐQT	1.644 cổ phần (chiếm 0,01%)	Không

Các tiểu ban hội đồng quản trị: Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Trịnh Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	9/9	100%
2	Trần Thanh Văn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	9/9	100%
3	Ngô Đình Luyện	Thành viên HĐQT	9/9	100%
4	Phạm Kiều Diễm	Thành viên HĐQT	9/9	100%
5	Cao Trọng Miên	Thành viên HĐQT	9/9	100%

Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2014

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	108/NQ-HĐQT	07/03/2014	Thông qua chương trình tổ chức ĐHCĐ 2014 Thông qua Kế hoạch kinh doanh 2014
2	110/NQ-HĐQT	07/03/2014	Thông qua kế hoạch đầu tư 2014
3	188/NQ-HĐQT	2/04/2014	Thông qua việc thoái vốn tại Công ty TNHH KD BĐS Việt Gia Phú
4	257/NQ-HĐQT	12/06/2014	Thông qua kế hoạch tổ chức cán bộ. Thông qua bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2014
5	307/NQ-HĐQT	17/07/2014	Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2014 tỷ lệ 8%
6	383/NQ-HĐQT	15/09/2014	Thông qua cơ cấu tổ chức

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			Quyết toán vốn đầu tư Dự án bất động sản Gia Phú Sử dụng mặt bằng 752 Hậu Giang
7	428/NQ-HĐQT	20/10/2014	Tài trợ biển đảo Trường Sa
8	445/NQ-HĐQT	28/10/2014	Bàn giao nhà xưởng 445 Gia Phú để thực hiện dự án BĐS
9	471/NQ-HĐQT	13/11/2014	Chọn đối tác lập phương án đầu tư tại 752 Hậu Giang, Q6 – TpHCM
10	589/NQ-HĐQT	28/11/2014	Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2014 tỷ lệ 7%
11	586/NQ-HĐQT	28/11/2014	Ông Trịnh Anh Tuấn thôi làm Chủ tịch HĐQT
12	588/NQ-HĐQT	28/11/2014	Ông Trịnh Anh Tuấn thôi làm Tv.HĐQT
13	587/NQ-HĐQT	28/11/2014	Bổ nhiệm ông Trần Thanh Văn làm Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
14	598/NQ-HĐQT	04/12/2014	Phê duyệt dự án đầu tư hệ thống dây nẹp Ấc quy CMF

Thay đổi thành viên HĐQT:

Ông Trịnh Anh Tuấn thôi làm Chủ tịch HĐQT và thôi là thành viên HĐQT từ ngày 1/12/2014.

Ông Trần Thanh Văn làm Chủ tịch HĐQT/TGD từ ngày 01/12/2014.

Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp ban hành các Nghị quyết và Quyết định tập trung vào các nhóm vấn đề sau:

❖ Về thị trường

- Chỉ đạo ban Điều hành đẩy mạnh và củng cố thị trường tại các Tỉnh, thành phố lớn, mở thêm nhà phân phối các vùng còn trống. Tăng cường xuất khẩu để phát huy hiệu quả đầu tư.
- Quảng bá thương hiệu PINACO trên các phương tiện truyền thông, quảng bá sản phẩm mới và hình ảnh của PINACO.

❖ Về đầu tư và nghiên cứu phát triển

- Phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2014 với kinh phí 33 tỷ đồng nhằm đầu tư thiết bị lẻ nâng công suất nhà máy Ấc quy Đồng Nai 2; dây chuyền pin R6-600 v/ph, đầu tư thiết bị thí nghiệm để phục vụ hoạt động nghiên cứu công nghệ mới, v.v.
- Chỉ đạo thoái vốn tại Công ty TNHH kinh doanh BĐS Việt Gia Phú, thu tiền đền bù, hỗ trợ di dời cơ sở sản xuất 445-449 Gia Phú, phường 3, quận 6, TP HCM.

- Hợp tác khai thác cơ sở đất đai 752 Hậu Giang để giảm bớt gánh nặng về tài chính cho chi phí di dời nhà máy Pin ra khu công nghiệp.
- Hợp tác khai thác cơ sở đất đai 752 Hậu Giang để giảm bớt gánh nặng về tài chính cho chi phí di dời nhà máy Pin ra khu công nghiệp.

❖ **Về kỹ thuật – sản xuất**

- Quy hoạch lại sản xuất các xí nghiệp sản xuất ắc quy theo hướng chuyên môn hóa, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ Khoa học Kỹ thuật và phát triển sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu thị trường.
- Tăng tỷ lệ nội địa hóa trong giá thành sản xuất Pin & Ắc quy, đặt mục tiêu giảm 2% giá thành sản phẩm.

❖ **Về tổ chức nhân sự và quản lý**

Thông qua kế hoạch tổ chức cán bộ, bổ nhiệm cán bộ quản lý, thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT có đơn từ nhiệm.

❖ **Vốn - bảo toàn phát triển vốn**

- Chỉ đạo tìm nguồn vốn giá rẻ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính thanh khoản đồng tiền với mọi thời điểm.
- Cân đối lợi ích các bên khách hàng, cổ đông, doanh nghiệp đảm bảo hoạt động luôn luôn có tích lũy.

❖ **Chi phí hoạt động của HĐQT năm 2014**

Tổng thù lao (căn cứ theo NQ của Đại hội đồng cổ đông): 346.000.000 đồng

Trong đó:

- Thù lao Chủ tịch HĐQT: **96.000.000 đồng**
- Thù lao của các thành viên: **250.000.000 đồng**

❖ **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty**

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Trần Thanh Văn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Ngô Đình Luyện	Thành viên HĐQT
3	Phạm Kiều Diễm	Thành viên HĐQT
4	Cao Trọng Miên	Thành viên HĐQT

Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu
1	Tạ Duy Linh	Trưởng Ban	22.704 cổ phần (chiếm 0,085%)
2	Vũ Nhất Tâm	Thành viên	14.196 cổ phần (chiếm 0,053%)
3	Võ Thị Cẩm Hồng	Thành viên	1.140 cổ phần (chiếm 0,004%)

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2014

❖ Hoạt động Ban kiểm soát

- Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện các mục tiêu kinh doanh 2014 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh trong năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết hội đồng quản trị, các Quyết định điều hành của Tổng giám đốc năm 2014.
- Xem xét tính phù hợp của các quyết định HĐQT, của Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản, đảm bảo phù hợp với quy trình triển khai thực hiện kế hoạch.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét các báo cáo tài chính Quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2014 và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt nam năm 2014.
- Kiểm soát hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban Tổng giám đốc, bộ máy quản lý, sự phù hợp trong điều hành hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh, giao dịch cá nhân của thành viên HĐQT, thành viên ban Tổng giám Đốc liên quan đến lợi ích của Công ty.
- Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra 02 Chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng. Kết quả kiểm tra cho thấy các Chi nhánh tuân thủ nghiêm túc các quy định của Công ty và chính sách pháp luật của Nhà Nước, không phát hiện ra sai phạm hoặc hiện tượng tiêu cực tại các Chi nhánh.
- Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã cùng với Ban thanh tra nhân dân Công ty đã làm rõ hiện tượng tiêu cực tại Trung tâm bảo hành và Cửa hàng 752 Hậu Giang. Kiến nghị xử lý hình thức kỷ luật đối với 8 cá nhân và thu hồi 100% tiền bồi thường từ các cá nhân vi phạm về Công ty.
- Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, có ý kiến đóng góp trực tiếp đến tính hợp lý hợp pháp từ các Nghị quyết và các quyết định của HĐQT, Tổng giám đốc.
- Kiểm tra việc công bố thông tin của Công ty có được đầy đủ, trung thực và tuân thủ theo quy định pháp luật
- Thảo luận với kiểm toán viên liên quan đến nội dung kiểm toán và kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm.

- Thực hiện việc kiểm tra rà soát báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2014 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2014 của Hội đồng quản trị công ty trước khi trình Đại hội cổ đông.
- Giám sát trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.

❖ **Kết quả hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát**

- *Về tình hình hoạt động tài chính của Công ty* : Trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty CP Pin Ác Quy Miền Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Ban kiểm soát nhận thấy Công ty đã tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong công tác tổ chức kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm. Đảm bảo tính trung thực, chính xác và cẩn trọng.
- *Về các Nghị quyết HĐQT*: Các Nghị quyết do HĐQT ban hành đúng theo quy định của Nhà Nước, đảm bảo tuân thủ điều lệ hoạt động Công ty.
- *Về hoạt động của Ban điều hành*: Ban điều hành Công ty luôn chấp hành pháp luật của Nhà Nước, thực hiện đúng các quy định Công ty. Triển khai xây dựng các quy chế, quy định phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp và chính sách, pháp luật của Nhà Nước. Nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

Trong các cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị đều có ít nhất 01 thành viên Ban kiểm soát tham dự và đóng góp ý kiến.

❖ **Kết quả sự điều phối hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông**

- Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với Hội đồng quản trị Công ty về các nội dung kiểm tra, kế hoạch kiểm tra, giám sát tại công ty, phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát này.
- Hội đồng quản trị Công ty đã cung cấp đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát. Ban điều hành đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty khi có yêu cầu.
- HĐQT Công ty, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động của Công ty
- Đối với cổ đông: Trong năm 2014, Ban kiểm soát Công ty không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ **Đánh giá và kiến nghị**

Đánh giá chung

- Trong năm 2014, Ban kiểm soát không tìm thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động đều tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

- PINACO đã tuân thủ đầy đủ các quy định Pháp luật trong hoạt động quản lý Công ty cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã xây dựng một số các Quy chế, quy định quản trị nội bộ áp dụng thống nhất trong toàn Công ty với mục đích tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp.
- Năm 2014 PINACO không phát sinh tranh chấp nào liên quan đến hoạt động SXKD và đầu tư dự án.
- Chế độ hạch toán kế toán tuân thủ về cơ bản theo chuẩn mực kế toán hiện hành, lập và nộp các báo cáo kế toán kịp thời cho các cấp thẩm quyền.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin đối với Công ty niêm yết theo đúng quy định
- Trong năm 2014, Công ty đã được kiểm toán Nhà Nước kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013. Kết quả kiểm toán cho thấy PINACO tuân thủ đầy đủ các quy định, quy chế về tài chính và chính sách, pháp luật của Nhà Nước, không có bất kỳ các kiến nghị nào đối với PINACO.

Kiến nghị

- Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:
- Rà soát lại các Quy chế cũ để hoàn chỉnh ban hành các quy chế mới phù hợp với tình hình thực tế hiện nay của Công ty.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý Công ty, kịp thời bổ sung nhân sự cho hệ thống quản lý từ Công ty đến các xí nghiệp
- Tiếp tục có các biện pháp quản lý hợp lý và hiệu quả trong quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý chi phí; Duy trì và làm tốt việc thực hiện tiết kiệm các chi phí như: Năng lượng, chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ đưa vào sản xuất..., chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản phẩm

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm 2014

Lương, thưởng của HĐQT, Ban TGD và Ban kiểm soát được công ty thực hiện đúng theo quy định trong Nghị quyết Đại hội cổ đông.

Tổng thù lao (căn cứ theo NQ của Đại hội đồng cổ đông): **346.000.000 đồng**.

Trong đó:

- Thù lao Chủ tịch HĐQT: 96.000.000 đồng
- Thù lao của các thành viên: 250.000.000 đồng

Tổng thù lao Ban kiểm soát (Căn cứ theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông) là: **120.000.000 đồng**

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người giao dịch	Quan hệ với công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Beira Limited	Cổ đông lớn	0	0%	1.394.110	5,24%	Mua
2	Ông Ngô Đình Luyện	TV.HĐQT	24.000	0,09%	20.000	0,08%	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc Quản trị công ty theo qui định theo Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký

Kinh doanh số

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 12) ngày 26 tháng 8 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Thanh Tuấn

Chủ tịch

(đến ngày 1 tháng 12 năm 2014)

Ông Trần Thanh Văn

Thành viên

(từ ngày 1 tháng 12 năm 2014)

Bà Phạm Kiều Diễm

Thành viên

Ông Ngô Đình Luyện

Thành viên

Ông Cao Trọng Miên

Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Tạ Duy Linh

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Vũ Nhất Tâm

Thành viên

Bà Võ Thị Cẩm Hồng

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Thanh Văn

Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Bảo Hạnh

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo
Phường Cô Giang, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam và công ty con
Báo cáo của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam và công ty con (“Nhóm công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2015



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam ("Công ty") và công ty con (được gọi chung là "Nhóm công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc ngày, phù hợp với chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-257



Chứng KPMG Chuẩn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		867.201.220.095	1.010.230.342.587
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	200.636.882.571	199.971.822.650
Tiền	111		160.636.882.571	133.571.822.650
Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	66.400.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	7	145.000.000.000	176.680.000.000
Các khoản phải thu	130		61.381.972.363	114.299.705.164
Phải thu khách hàng	131		52.373.840.212	98.584.187.136
Trả trước cho người bán	132		5.821.567.338	10.843.467.910
Phải thu khác	135	8	5.228.054.931	7.178.598.356
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(2.041.490.118)	(2.306.548.238)
Hàng tồn kho	140	9	448.492.173.873	494.530.328.491
Hàng tồn kho	141		451.700.848.048	500.052.715.154
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.208.674.175)	(5.522.386.663)
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.690.191.288	24.748.486.282
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.027.173.889	6.356.328.012
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.705.023.706	15.463.555.534
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.957.993.693	2.928.602.736
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		384.488.792.025	420.327.613.880
Tài sản cố định	220		370.129.112.785	409.728.392.872
Tài sản cố định hữu hình	221	10	333.229.376.890	366.564.402.220
<i>Nguyên giá</i>	222		711.809.189.486	684.393.347.188
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(378.579.812.596)	(317.828.944.968)
Tài sản cố định vô hình	227	11	31.264.963.231	29.788.500.179
<i>Nguyên giá</i>	228		55.780.846.048	52.348.950.060
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(24.515.882.817)	(22.560.449.881)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	5.634.772.664	13.375.490.473
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.600.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258	13	3.600.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		10.759.679.240	10.599.221.008
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	6.544.748.557	5.943.031.799
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	4.024.530.683	4.465.789.209
Tài sản dài hạn khác	268		190.400.000	190.400.000
TỔNG TÀI SẢN(270 = 100 + 200)	270		1.251.690.012.120	1.430.557.956.467

NGUỒN VỐN

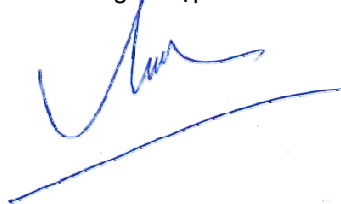
NỢ PHẢI TRẢ(300 = 310 + 330)	300		740.238.412.342	929.951.637.589
Nợ ngắn hạn	310		736.115.412.342	929.389.476.589
Vay ngắn hạn	311	16	487.353.040.594	479.745.955.581
Phải trả người bán	312		95.569.286.119	290.662.263.475
Người mua trả tiền trước	313		7.675.620.874	2.059.417.164
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	18.507.028.249	13.360.611.744
Phải trả người lao động	315		79.028.472.138	75.066.066.715
Chi phí phải trả	316	18	34.404.052.268	32.230.758.043
Phải trả khác	319	19	1.080.124.549	19.998.117.034
Dự phòng bảo hành	320	20	6.908.915.025	8.828.683.963
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		5.588.872.526	7.437.602.870
Nợ dài hạn	330		4.123.000.000	562.161.000
Phải trả dài hạn khác	333		4.123.000.000	562.161.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410)	400		511.451.599.778	498.315.000.437
Vốn chủ sở hữu	410	21	511.451.599.778	498.315.000.437
Vốn cổ phần	411	22	269.878.430.000	269.878.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		62.295.088.755	62.295.088.755
Cổ phiếu quỹ	414	22	(14.419.110.657)	(14.419.110.657)
Quỹ đầu tư phát triển	417	23	57.694.106.730	50.253.243.359
Quỹ dự phòng tài chính	418	23	26.987.843.000	26.987.843.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		109.015.241.950	103.319.505.980
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	24	-	2.291.318.441
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1.251.690.012.120	1.430.557.956.467

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

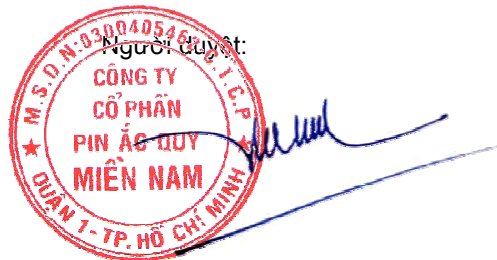
	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ – USD	732.891	2.222.321

Ngày 9 tháng 3 năm 2015

Người lập:


Nguyễn Duy Hưng
KT. Kế toán trưởng

Người duyệt:

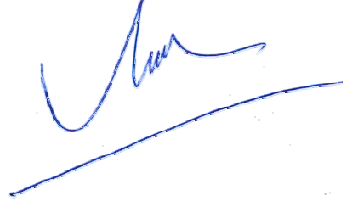

Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	25	2.027.040.357.716	1.879.167.202.573
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		709.510.303	142.568.109
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		2.026.330.847.413	1.879.024.634.464
Giá vốn hàng bán	11		1.648.833.334.537	1.532.157.904.608
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		377.497.512.876	346.866.729.856
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	21.391.945.112	18.849.519.870
Chi phí tài chính	22	27	29.891.377.829	21.946.945.980
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>18.704.837.384</i>	<i>14.985.375.658</i>
Chi phí bán hàng	24		237.435.997.702	219.795.734.412
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.688.183.372	37.050.340.717
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		94.873.899.085	86.923.228.617
Thu nhập khác	31	28	1.007.403.833	929.464.139
Chi phí khác	32		319.183.377	302.095.275
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		688.220.456	627.368.864
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		95.562.119.541	87.550.597.481

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		95.562.119.541	87.550.597.481
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	20.596.732.106	28.137.000.920
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	29	441.258.526	(1.912.125.532)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		74.524.128.909	61.325.722.093
Phân bổ cho:				
Lợi ích cổ đông thiểu số			(47.482.140)	(85.403.862)
Chủ sở hữu của Công ty			74.571.611.049	61.411.125.955
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.801	2.307

Ngày 9 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Nguyễn Duy Hưng
KT. Kế toán trưởng

Người duyệt:



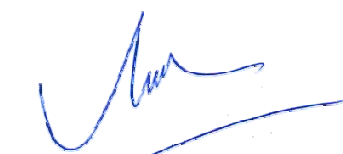
Trần Thị Bích Vân
Tổng Giám đốc

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		95.562.119.541	87.550.597.481
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		64.715.832.777	58.083.348.807
Các khoản dự phòng	03		(4.498.539.546)	6.128.555.120
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.406.045.534	(1.672.616.077)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	05		-	4.169.950
Lãi do chấm dứt kiểm soát công ty con do pha loãng tỉ lệ sở hữu	05		(225.461.339)	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(18.298.050.018)	(13.983.656.123)
Chi phí lãi vay	06		18.704.837.384	14.985.375.658
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		157.366.784.333	151.095.774.816
Biến động các khoản phải thu	09		61.075.481.160	46.316.005.625
Biến động hàng tồn kho	10		48.351.867.106	(79.411.833.019)
Biến động các khoản phải trả	11		(172.151.341.527)	125.947.149.432
Biến động chi phí trả trước	12		2.845.284.726	(4.224.940.995)
			97.488.075.798	239.722.155.859
Tiền lãi vay đã trả	13		(18.995.093.282)	(14.787.161.580)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(27.107.691.181)	(59.823.585.752)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.033.680.052)	(5.957.767.656)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		41.351.611.283	159.153.640.871
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(25.234.400.051)	(57.696.821.059)
Tiền chi đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn	25		-	(131.385.980.000)
Tiền thu hồi đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn	26		31.680.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		20.310.604.476	9.637.351.665
Tiền giảm do chấm dứt kiểm soát công ty con do pha loãng	25		(2.243.836.301)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		24.512.368.124	(179.445.449.394)

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ phát hành vốn chủ sở hữu vào công ty con	31		-	2.400.000.000
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32		-	(52.000.000)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.413.544.832.516	1.216.042.003.043
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.406.799.610.860)	(1.028.585.368.230)
Tiền trả cổ tức	36		(71.887.583.700)	(53.250.972.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(65.142.362.044)	136.553.662.813
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		721.617.363	116.261.854.290
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		199.971.822.650	83.912.724.201
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(56.557.442)	(202.755.841)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	200.636.882.571	199.971.822.650

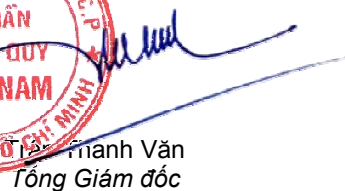
Ngày 9 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Nguyễn Duy Hưng
KT. Kế toán trưởng

Người duyệt:

Trịnh Văn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 1.096 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.170 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ

khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá

ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 25 năm
- Máy móc và thiết bị 3 – 12 năm
- Phương tiện vận chuyển 6 – 8 năm
- Dụng cụ văn phòng 3 – 5 năm
- Khác 5 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(iii) Phí chuyển giao công nghệ

Giá mua phí chuyển giao công nghệ được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phí chuyển giao công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(ii) Chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Nhóm công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(ii) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(iii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Nhóm công ty.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC, yêu cầu tất cả các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc đều được hoàn nhập. Nhóm công ty đã thực hiện theo Thông tư 180 và đã hoàn nhập tất cả dự phòng trợ cấp thôi việc vào thu nhập trong năm 2012.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến

các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Nhóm công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp tài sản chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Nhóm công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Nhóm công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Nhóm công ty nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(q) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Nhóm công ty.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Nhóm công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Nhóm công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng	
	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.623.040.949.759	1.520.867.556.803	403.289.897.654	358.157.077.661	2.026.330.847.413	1.879.024.634.464
Chi tiêu vốn	25.234.400.051	57.696.821.059	-	-	25.234.400.051	57.696.821.059
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản bộ phận	1.251.690.012.120	1.430.557.956.467	-	-	1.251.690.012.120	1.430.557.956.467

5. Chấm dứt kiểm soát công ty con do pha loãng tỉ lệ sở hữu

Trước ngày 29 tháng 4 năm 2014, Công ty sở hữu 60% vốn của Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú (“VGP”). Vào ngày 29 tháng 4 năm 2014, VGP tăng vốn từ 6 tỷ VND lên 160 tỷ VND và Công ty đã không tham gia lần tăng vốn này. Theo đó, VGP không còn là một công ty con của Công ty do tỷ lệ sở hữu của Công ty giảm từ 60% xuống 2,25% (xem Thuyết minh 13). Công ty bắt đầu ngưng hợp nhất VGP kể từ ngày này.

Việc ngưng hợp nhất này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Nhóm công ty tại ngày ngưng hợp nhất như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm ngưng hợp nhất VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.243.836.301
Đầu tư ngắn hạn	938.125.010
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.527.341.343
Hàng tồn kho	1.673.624.186
Tài sản ngắn hạn khác	172.656.071
Nợ ngắn hạn	(945.992.157)
	<hr/>
Tài sản thuần có thể xác định được	5.609.590.754
	<hr/>
Tài sản thuần của công ty con tại thời điểm chấm dứt quyền kiểm soát (60%)	(3.365.754.453)
Giá trị tài sản tại thời điểm ngưng hợp nhất	3.591.215.792
	<hr/>
Lợi nhuận từ việc chấm dứt quyền kiểm soát công ty con do pha loãng tỉ lệ sở hữu	225.461.339
	<hr/> <hr/>
Các ảnh hưởng đến luồng tiền bao gồm:	
Khoản tiền thu được từ việc chấm dứt quyền kiểm soát công ty con	-
Khoản tiền không được hợp nhất do việc chấm dứt quyền kiểm soát công ty con	(2.243.836.301)
	<hr/>
Khoản tiền không được hợp nhất do việc chấm dứt quyền kiểm soát công ty con thuần	(2.243.836.301)
	<hr/> <hr/>

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	740.367.151	1.332.387.883
Tiền gửi ngân hàng	159.896.515.420	132.239.434.767
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	66.400.000.000
	<hr/>	<hr/>
	200.636.882.571	199.971.822.650

7. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn trong vòng 12 tháng từ ngày phát sinh và có lãi suất năm dao động từ 6,2% đến 7,8% (2013: từ 8% đến 8,9%).

8. Phải thu khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	5.146.250.000	7.158.804.458
Tài sản thiếu chờ xử lý	63.083.174	-
Phải thu khác	18.721.757	19.793.898
	<hr/>	<hr/>
	5.228.054.931	7.178.598.356

9. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên vật liệu	203.696.090.640	179.524.326.464
Thành phẩm	111.363.428.772	129.952.912.479
Sản phẩm dở dang	96.061.594.692	88.827.628.550
Hàng mua đang đi trên đường	40.421.769.898	101.664.348.865
Hàng hóa	157.964.046	83.498.796
	<hr/>	<hr/>
	451.700.848.048	500.052.715.154
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.208.674.175)	(5.522.386.663)
	<hr/>	<hr/>
	448.492.173.873	494.530.328.491

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	5.522.386.663	467.151.179
Tăng dự phòng trong năm	3.208.674.175	5.522.386.663
Hoàn nhập dự phòng	(5.522.386.663)	(467.151.179)
Số dư cuối năm	<u>3.208.674.175</u>	<u>5.522.386.663</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	130.371.268.287	523.501.281.378	19.339.259.963	9.900.632.260	1.280.905.300	684.393.347.188
Tăng trong năm	563.108.182	583.427.500	-	-	-	1.146.535.682
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	665.545.452	26.323.752.556	1.407.388.182	-	-	28.396.686.190
Phân loại lại theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước	(170.136.546)	(707.337.462)	-	(1.249.905.566)	-	(2.127.379.574)
Số dư cuối năm	131.429.785.375	549.701.123.972	20.746.648.145	8.650.726.694	1.280.905.300	711.809.189.486
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	43.617.024.662	255.189.585.409	11.090.826.978	7.419.071.672	512.436.247	317.828.944.968
Khấu hao trong năm	8.203.072.967	51.298.162.810	1.813.827.220	1.222.748.284	222.588.560	62.760.399.841
Phân loại lại theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước	(162.425.346)	(646.908.412)	-	(1.200.198.455)	-	(2.009.532.213)
Số dư cuối năm	51.657.672.283	305.840.839.807	12.904.654.198	7.441.621.501	735.024.807	378.579.812.596
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	86.754.243.625	268.311.695.969	8.248.432.985	2.481.560.588	768.469.053	366.564.402.220
Số dư cuối năm	79.772.113.092	243.860.284.165	7.841.993.947	1.209.105.193	545.880.493	333.229.376.890

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 157.045 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 157.045 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Phí chuyển giao công nghệ VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	47.293.702.056	5.055.248.004	-	52.348.950.060
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	3.431.895.988	3.431.895.988
Số dư cuối năm	47.293.702.056	5.055.248.004	3.431.895.988	55.780.846.048
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	19.614.657.918	2.945.791.963	-	22.560.449.881
Khấu hao trong năm	543.360.877	725.692.862	686.379.197	1.955.432.936
Số dư cuối năm	20.158.018.795	3.671.484.825	686.379.197	24.515.882.817
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	27.679.044.138	2.109.456.041	-	29.788.500.179
Số dư cuối năm	27.135.683.261	1.383.763.179	2.745.516.791	31.264.963.231

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 25.097 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 18.564 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	13.375.490.473	12.389.210.311
Tăng trong năm	24.087.864.369	53.529.965.402
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(28.396.686.190)	(50.571.095.494)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(3.431.895.988)	(1.972.589.746)
Số dư cuối năm	5.634.772.664	13.375.490.473

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí trả trước cho máy móc và thiết bị	1.082.733.766	3.920.758.733
Dây chuyền lắp ráp pin tại nhà máy Pin Con Ó	-	7.348.865.000
Khác	4.552.038.898	2.105.866.740
Số dư cuối năm	5.634.772.664	13.375.490.473

13. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản đầu tư vốn chủ sở hữu vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh Doanh Bất động sản Việt Gia Phú, chi tiết như sau:

Đầu tư dài hạn khác	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Phần trăm sở hữu thực tế
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và bán nguyên vật liệu, thiết bị được sử dụng trong xây dựng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh ban hành lần đầu vào ngày 6 tháng 12 năm 2010 và lần sửa đổi gần nhất là vào ngày 29 tháng 4 năm 2014.	2,25%

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	5.588.960.792	354.071.007	5.943.031.799
Tăng trong năm	7.997.693.049	948.326.000	8.946.019.049
Khấu hao trong năm	(7.052.044.287)	(1.292.258.004)	(8.344.302.291)
Số dư cuối năm	6.534.609.554	10.139.003	6.544.748.557

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản mục sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí phải trả	1.774.528.218	1.151.688.354
Dự phòng bảo hành	1.519.961.306	1.942.310.472
Dự phòng phải thu khó đòi	24.132.840	92.973.036
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	705.908.319	1.214.925.066
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	63.892.281
	4.024.530.683	4.465.789.209

16. Vay ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay với điều khoản và điều kiện như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	USD	1,8% - 2,8%	64.330.452.147	-
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	USD	1,5% - 2,2%	135.312.202.369	43.729.178.414
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	USD	1,8% - 2,2%	152.761.504.345	243.411.592.397
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (Viettin Bank) (*)	VND	2,2% - 2,8%	49.687.568.573	15.209.520.039
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu(*)	VND	3,5%	25.623.600.000	90.822.235.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam		1,8% - 2,6%	59.637.713.160	-
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam)	VND	4,5% - 5,2%	-	18.404.429.731
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam(*)	VND	2,8% - 2,9%	-	5.889.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	USD	2,8% - 3,7%	-	61.780.000.000
Công ty TNHH đầu tư thương mại du lịch Hiệp Phúc	VND	8,5% - 9%	-	500.000.000
			<hr/>	
			487.353.040.594	479.745.955.581

Tất cả các khoản vay ngắn hạn ngân hàng không có đảm bảo.

(*) Các khoản vay ngắn hạn này là các khoản vay bằng tiền Việt Nam Đồng nhưng được áp dụng lãi suất cho vay của các khoản vay ngắn hạn bằng tiền Đô-la Mỹ.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.529.330.583	10.040.289.658
Thuế thu nhập cá nhân	474.075.072	237.227.165
Thuế giá trị gia tăng	671.700.114	3.081.720.481
Tiền thuê đất	13.829.560.480	-
Các loại thuế khác	2.362.000	1.374.440
	<hr/>	<hr/>
	18.507.028.249	13.360.611.744

18. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hoa hồng phải trả đại lý	29.767.223.959	25.415.560.978
Chi phí thuê đất	-	1.931.724.000
Chi phí tư vấn	-	1.580.250.000
Chi phí lãi vay	376.316.217	666.572.115
Chi phí phải trả khác	4.260.512.092	2.636.650.950
	<hr/>	<hr/>
	34.404.052.268	32.230.758.043

19. Phải trả khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	903.096.200	873.401.600
Bảo hiểm xã hội	118.010.653	130.165.346
Cổ tức phải trả	-	18.637.521.700
Phải trả khác	59.017.696	357.028.388
	<hr/>	<hr/>
	1.080.124.549	19.998.117.034

20. Dự phòng bảo hành

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	8.828.683.963	8.181.035.629
Dự phòng lập trong năm	-	647.648.334
Xóa sổ dự phòng trong năm	(1.919.768.938)	-
Số dư cuối năm	<u>6.908.915.025</u>	<u>8.828.683.963</u>

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	80.384.982.904	26.987.843.000	105.004.719.104	530.183.953.106
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	61.411.125.955	61.411.125.955
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(52.000.000)	-	-	-	(52.000.000)
Cổ tức							
- Đã công bố nhưng chưa trả	-	-	-	-	-	(18.637.521.700)	(18.637.521.700)
- Bằng tiền	-	-	-	-	-	(34.612.540.300)	(34.612.540.300)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	3.076.961.587	-	(3.076.961.587)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.769.315.492)	(6.769.315.492)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(33.208.701.132)	-	-	(33.208.701.132)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	50.253.243.359	26.987.843.000	103.319.505.980	498.315.000.437
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	74.571.611.049	74.571.611.049
Cổ tức (Thuyết minh 31)	-	-	-	-	-	(53.250.062.000)	(53.250.062.000)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	7.440.863.371	-	(7.440.863.371)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.184.949.708)	(8.184.949.708)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	57.694.106.730	26.987.843.000	109.015.241.950	511.451.599.778

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(362.812)	(14.419.110.657)	(362.812)	(14.419.110.657)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.625.031	266.250.310.000	26.625.031	266.250.310.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Nhóm công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2014		2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	26.625.031	266.250.310.000	26.626.331	266.263.310.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	(1.300)	(52.000.000)
Số dư cuối năm	26.625.031	266.250.310.000	26.625.031	266.250.310.000

23. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính, được trích lập từ lợi nhuận sau thuế từng năm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

24. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Lợi ích cổ đông thiểu số VND
Số dư đầu năm	2.291.318.441
Lỗ thuần trong năm phân bổ cho cổ đông thiểu số	(47.482.140)
Chấm dứt quyền kiểm soát công ty con do pha loãng tỉ lệ sở hữu	(2.243.836.301)
Số dư cuối năm	-

25. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

26. Thu nhập tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	18.298.050.018	13.983.656.123
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.766.240.615	2.632.036.666
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	93.408.932	1.877.282.873
Lãi từ việc chấm dứt quyền kiểm soát công ty con do pha loãng tỉ lệ sở hữu	225.461.399	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.784.148	356.544.208
	21.391.945.112	18.849.519.870

27. Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	18.704.837.384	14.985.375.658
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.687.085.979	6.756.903.526
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.499.454.466	204.666.796
	29.891.377.829	21.946.945.980

28. Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Bán phế liệu	822.337.926	929.464.139
Thu nhập khác	185.065.907	-
	<hr/> 1.007.403.833	<hr/> 929.464.139

29. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	20.840.132.391	24.917.373.113
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(243.400.285)	3.219.627.807
	<hr/> 20.596.732.106	<hr/> 28.137.000.920
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	441.258.526	(1.912.125.532)
	<hr/> 21.037.990.632	<hr/> 26.224.875.388

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	95.562.119.541	87.550.597.481
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Nhóm công ty	21.023.666.299	21.887.649.370
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	(26.115.177)	608.971.256
Chi phí không được khấu trừ thuế	283.839.795	455.249.541
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(243.400.285)	3.219.627.807
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận – Việt Gia Phú	-	53.377.414
	<hr/> 21.037.990.632	<hr/> 26.224.875.388

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập như sau:

Đơn vị	Thuế suất hiện hành	Ưu đãi thuế
Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam	22%	Được miễn thuế hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận tính thuế (2005 - 2006) và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	22%	Không

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 74.571.611.049VND (2013: 61.411.125.955VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 26.625.031 (2013: 26.625.086), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	74.571.611.049	61.411.125.955

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2014	2013
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	26.625.031	26.626.331
Mua cổ phiếu quỹ	-	(1.245)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	26.625.031	26.625.086

31. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 26 tháng 4 năm 2014, ngày 17 tháng 7 năm 2014 và ngày 11 tháng 12 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức lần lượt là 13.312.515.500 VND (500 VND mỗi cổ phiếu), 21.300.024.800 VND (800 VND mỗi cổ phiếu) và 18.637.521.700 triệu VND (700 VND mỗi cổ phiếu).

32. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Nhóm công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Nhóm công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Nhóm công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Nhóm công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản tiền gửi ngân hàng của Nhóm công ty.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn	(ii)	344.896.515.420	375.319.434.767
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	55.560.405.025	103.456.237.254
		<hr/>	<hr/>
		400.456.920.445	478.775.672.021

(ii) Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại ngân hàng của Nhóm công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm công ty.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Nhóm công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Nhóm công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Nhóm công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị gộp VND	Dự phòng phải thu khó đòi VND	Giá trị gộp VND	Dự phòng phải thu khó đòi VND
Trong hạn	34.040.192.166	-	99.820.423.049	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	21.351.723.985	-	3.515.960.327	-
Quá hạn trên 180 ngày	2.209.978.992	(2.041.490.118)	2.426.402.116	(2.306.548.238)
	57.601.895.143	(2.041.490.118)	105.762.785.492	(2.306.548.238)

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	2.306.548.238	1.880.876.936
Tăng dự phòng trong năm	40.068.361	585.420.355
Hoàn nhập	(305.126.481)	(159.749.053)
Số dư cuối năm	2.041.490.118	2.306.548.238

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	210.081.935.074	210.081.935.074	210.081.935.074	-
Vay ngắn hạn	487.353.040.594	488.903.835.377	488.903.835.377	-
Phải trả dài hạn khác	4.123.000.000	4.123.000.000	-	4.123.000.000
	701.557.975.668	703.108.770.451	698.985.770.451	4.123.000.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	417.957.205.267	417.957.205.267	417.957.205.267	-
Vay ngắn hạn	479.745.955.581	484.055.457.914	484.055.457.914	-
Phải trả dài hạn khác	562.161.000	562.161.000	-	562.161.000
	898.265.321.848	902.574.824.181	902.012.663.181	562.161.000

Phải trả người bán và phải trả khác bao gồm khoản phải trả người bán, phải trả người lao động, chi phí phải trả và phải trả khác.

Nhóm công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Nhóm công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ của Nhóm công ty (VND). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Nhóm công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	732.891	2.222.321
Phải thu khách hàng và phải thu khác	916.667	1.167.309
Phải trả người bán và phải trả khác	(1.395.537)	(10.920.247)
Vay ngắn hạn	(20.496.674)	(21.592.432)
	<hr/>	<hr/>
	(20.242.653)	(29.123.049)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
USD	21.353	21.070
	<hr/>	<hr/>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Nhóm công ty, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần tại VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
USD (mạnh thêm 1,34%)	(4.517.786.794)
	<hr/> <hr/>
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 1,25%)	(5.749.947.875)
	<hr/> <hr/>

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Nhóm công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm công ty như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng	159.896.515.420	132.239.434.767
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	66.400.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	145.000.000.000	176.680.000.000
	<hr/>	<hr/>
	344.896.515.420	375.319.434.767
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	(487.353.040.594)	(479.745.955.581)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản trong lãi suất sẽ giảm 1.111 triệu VND lợi nhuận thuần của Nhóm công ty (2013: 1.000 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn	344.896.515.420	344.896.515.420	375.319.434.767	375.319.434.767
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	55.560.405.025	(*)	103.456.237.254	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(210.081.935.074)	(*)	(417.957.205.267)	(*)
- Vay	(487.353.040.594)	(*)	(479.745.955.581)	(*)
- Phải trả dài hạn khác	(4.123.000.000)	(*)	(562.161.000)	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do các công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

(*) Nhóm công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính chưa hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

33. Các hoạt động đầu tư phi tiền tệ

	2014 VND	2013 VND
Góp vốn vào Việt Gia Phú bằng tiền vay từ Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh và Du lịch Hiệp Phúc	3.600.000.000	-

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2014 VND	2013 VND
Các cổ đông		
Trả cổ tức	53.250.062.000	53.250.062.000
Các bên liên quan		
Ký quỹ	-	158.400.000
Lãi tiền gửi	-	540.544.445
Mua vật liệu	31.766.942.737	24.042.393.937
Thành viên Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị		
Lương và thù lao	4.444.751.077	4.659.054.605

35. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Nhóm công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	7.253.919.595	9.491.823.617

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

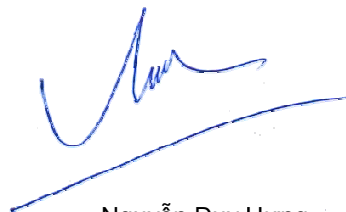
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	1.609.600.000	1.798.508.000
Trong vòng hai đến năm năm	452.000.000	3.341.958.000
	<hr/>	<hr/>
	2.061.600.000	5.140.466.000

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.329.920.827.243	1.291.655.687.023
Chi phí nhân công trong chi phí sản xuất	183.958.963.423	161.718.880.181
Chi phí khấu hao	64.715.832.777	58.083.348.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.521.574.748	81.780.482.822
Chi phí khác	239.398.960.892	237.559.004.244

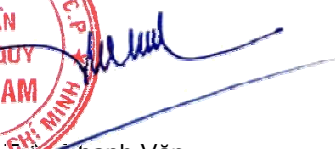
Ngày 9 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Nguyễn Duy Hưng
KT. Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

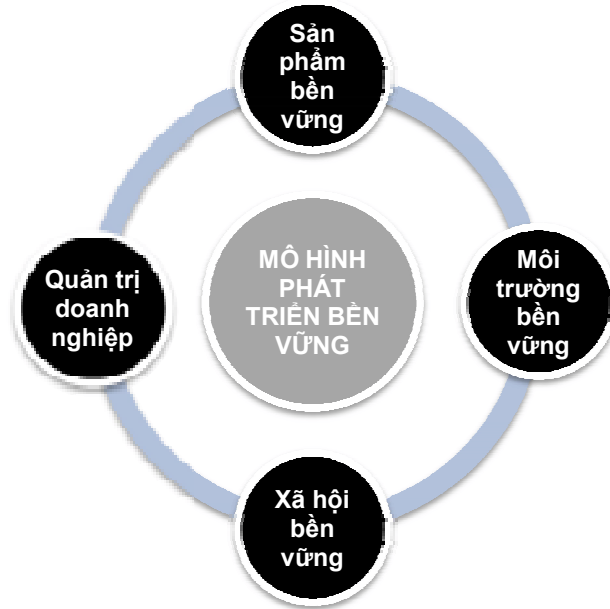
BÁO CÁO BỀN VỮNG

- ❖ Sản phẩm bền vững
 - ❖ Môi trường bền vững
 - ❖ Xã hội bền vững
 - ❖ Quản trị doanh nghiệp
-



SẢN PHẨM BỀN VỮNG

Trải qua gần 40 năm hình thành và phát triển đã khẳng định uy tín và vị thế dẫn đầu của PINACO trong ngành sản xuất pin và ắc quy Việt nam. Hướng đến tầm nhìn trở thành “Nhà sản xuất pin và ắc quy hàng đầu khu vực” PINACO xây dựng chiến lược phát triển bền vững dựa trên 4 trụ cột: Sản phẩm bền vững, Môi trường bền vững, Xã hội bền vững và Quản trị doanh nghiệp.



Sản phẩm bền vững là cam kết của PINACO về quá trình sản xuất ra sản phẩm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, từ nguồn nguyên liệu đầu vào đến quá trình sản xuất đều hướng đến đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, tuân thủ các nguyên tắc về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động và các tiêu chuẩn, qui định quản lý hóa chất độc hại. PINACO bảo đảm cung cấp những sản phẩm có chất lượng tốt, an toàn và có trách nhiệm cuối cùng với sản phẩm của mình.

Nguồn nguyên liệu

Trong năm qua công ty đã nỗ lực thay thế một phần nguyên vật liệu nhập khẩu bằng nguồn trong nước để giảm dần sự lệ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, giảm áp lực ngoại tệ và góp phần giảm chi phí đầu vào: Kẽm thỏi của Vinacomin, chì các loại từ các nhà tái chế Việt nam, vỏ bình ắc quy, mũ pin R6 .v.v.

Khâu sản xuất

Không ngừng nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng các yêu cầu đối với nhà cung cấp sản phẩm cho các doanh nghiệp lắp ráp Ô tô, xe máy đa quốc gia. Vừa qua PINACO đã được hãng xe Ford cấp chứng nhận tiêu chuẩn toàn cầu Q1 theo đó sản phẩm của PINACO có thể bán cho Ford ở bất kỳ khu vực nào trên thế giới.

Triển khai các dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghệ mới cho xe ô tô, xe máy và xe đạp. Hợp tác lắp ráp ắc quy công nghiệp cho các nhu cầu mới: Bưu chính viễn thông, xe nâng (Tubular)...

Hệ thống phân phối

Hệ thống phân phối của PINACO hình thành từ năm 2011, đến nay đã tương đối hoàn chỉnh với trên 130 Nhà phân phối, Đại lý bao trùm khắp các tỉnh thành trên cả nước cùng đội ngũ 160 nhân viên bán hàng, giám sát, quản lý khu vực, quản lý trên 10.000 điểm bán hàng giúp công ty chủ động trong việc tiêu thụ sản phẩm và chăm sóc khách hàng trên cả nước.

MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Là ngành sản xuất có yếu tố gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, PINACO coi việc tuân thủ nghiêm ngặt các qui định về kiểm soát, hạn chế ô nhiễm và bảo vệ an toàn cho người lao động và khách hàng là thể hiện lương tâm và trách nhiệm của nhà sản xuất.

Để ngăn chặn nguy cơ ô nhiễm môi trường và giảm thiểu ảnh hưởng sức khỏe con người, PINACO cùng với các nhà cung cấp của mình đã thực hiện việc kiểm soát hàm lượng các 6 chất nguy hại môi trường (SOC6) chứa trong nguyên vật liệu, chất phụ gia và vật liệu bao bì của sản phẩm.

SOC6 gồm có các chất sau: chì (hoặc hợp kim chì), cadimi (hoặc hợp kim cadimi), thủy ngân (hoặc hợp kim thủy ngân), Crom6, PBB, PBDE. Nguyên vật liệu đầu vào sẽ không được sử dụng nếu chứa hàm lượng SOC6 vượt mức cho phép. Cụ thể về hàm lượng giới hạn của SOC6 như sau:

Tên hóa chất	Hàm lượng giới hạn	Hàm lượng kiểm soát
Chì (hoặc hợp kim chì)	1000 ppm	500 ppm
Cadimi (hoặc hợp kim cadimi)	100 ppm	50 ppm
Thủy ngân (hoặc hợp kim thủy ngân)	1000 ppm	500 ppm
Crom6	1000 ppm	500 ppm
PBB	1000 ppm	500 ppm
PBDE	1000 ppm	500 ppm

Vì chì được sử dụng để sản xuất Pin và Ác quy nên giới hạn sử dụng SOC6 của tiêu chuẩn này sẽ không áp dụng cho chì khi kiểm tra các nguyên vật liệu đầu vào. Các chất SOC6 chứa trong nguyên vật liệu đầu vào thu mua trong nước sẽ được phân tích mỗi 2 năm một lần, thu mua ngoài nước được kiểm tra mỗi năm một lần, theo 2 phương pháp: phân tích định tính và phân tích định lượng.

Về kiểm soát nguy cơ ô nhiễm trong sản xuất: PINACO triển khai công tác kiểm soát, thu gom, xử lý tất cả các yếu tố: nước thải, khí thải, chất thải rắn. Hoạt động phòng cháy chữa cháy cũng được thực hiện triệt để. Cụ thể:

Công tác bảo vệ môi trường	Hành động	Đánh giá
Công tác xử lý nước thải	<p>Tất cả các Xí nghiệp thành viên đều được lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, nước sau xử lý đều đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011).</p> <p>Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai: nước thải sau xử lý đạt cột A.</p> <p>Xí nghiệp Ấc quy Sài Gòn: nước thải sau xử lý đạt cột B.</p> <p>Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai 2: nước thải sau xử lý đạt cột B.</p> <p>Xí nghiệp Pin Con Ó: nước thải sau xử lý đạt cột B.</p>	
Công tác xử lý khí thải	<p>Tất cả các khâu sản xuất có phát sinh bụi, hơi, khí độc đều đã được trang bị các hệ thống thu hồi, xử lý để đảm bảo không ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và không phát sinh ô nhiễm môi trường.</p> <p>Năm 2014 PINACO tiếp tục đầu tư, hiện đại hóa hệ thống hút và xử lý khí thải tại phân xưởng Đúc sườn và phân xưởng Bột chì Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai và phân xưởng Đúc sườn Xí nghiệp Ấc quy Sài Gòn.</p>	<p>Các chỉ tiêu về chất lượng hơi khí thải đều đạt quy chuẩn cho phép QCVN19: 2009/BTNMT, QCVN 05-06: 2009/BTNMT và đạt tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo quyết định 3733/2002/QĐ – BYT-10/10/2012.</p>
Công tác xử lý chất thải rắn – chất thải sinh hoạt- chất thải nguy hại	<p>Hiện tại tất cả các đơn vị đều tuân thủ quy định của pháp luật về tổ chức lưu giữ chất thải, hợp đồng chuyển giao xử lý với các đơn vị có chức năng thu gom – vận chuyển – xử lý chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại.</p>	
Công tác giám sát môi trường và tuân thủ pháp luật	<p>Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường hàng năm theo: ĐTM/Cam kết BVMT/ Đề án BVMT đã được phê duyệt.</p>	
Kỹ thuật an toàn – Phòng cháy chữa cháy	<p>Các hệ thống chống sét – nối đất; hệ thống bồn gas, đường ống dẫn gas; hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động đều được kiểm định định kỳ và thường xuyên kiểm tra, bảo trì để phòngnguy cơ cháy nổ.</p>	

XÃ HỘI BỀN VỮNG

Quan tâm người lao động và công tác xã hội:

Quan tâm đầu tư cải thiện điều kiện làm việc, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tôn trọng quyền bình đẳng nam nữ, không phân biệt đối xử về mặt giới tính trong tuyển dụng lao động và trả lương đảm bảo sự công bằng về năng lực của mỗi người.

Đối với người lao động làm việc trong môi trường độc hại, bên cạnh việc đầu tư hệ thống thiết bị xử lý môi trường, công ty còn bảo đảm đầy đủ trang bị Bảo hộ lao động, các chế độ bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ, khám và điều trị bệnh nghề nghiệp theo quy định của nhà nước.v.v.

Có chế độ phúc lợi ưu việt cho người lao động: Tổ chức tham quan nghỉ mát hàng năm, mua bảo hiểm sức khỏe cho toàn thể CBCNLD, quan tâm trợ cấp cho công nhân lao động gặp khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo; chăm lo cán bộ công nhân đã nghỉ hưu và con em CBCNLD.

Triển khai các công tác xã hội: Đóng góp xây dựng nhà chỉ huy đảo Trường Sa, xây dựng trường tiểu học huyện Long Mỹ tỉnh Hậu Giang, nhận phụng dưỡng Mẹ Việt nam Anh hùng, xây dựng 1 căn nhà cho hộ gia đình chính sách tại Bình Chánh.v.v. Tổng số tiền thực hiện công tác xã hội trên 1,3 tỷ đồng.



Phụng dưỡng suốt đời Mẹ Việt Nam Anh Hùng Lê Thị Nờ tại Ấp 3, Xã Long Thọ - Huyện Nhơn Trạch Đồng Nai



Hưởng hứng chương trình "Hành trình hồng" trong chiến dịch tình nguyện "Kỳ nghỉ Hồng" năm 2014 do Ban chấp hành Đoàn khối doanh nghiệp Trung ương tại Tp. Hồ Chí Minh phát động

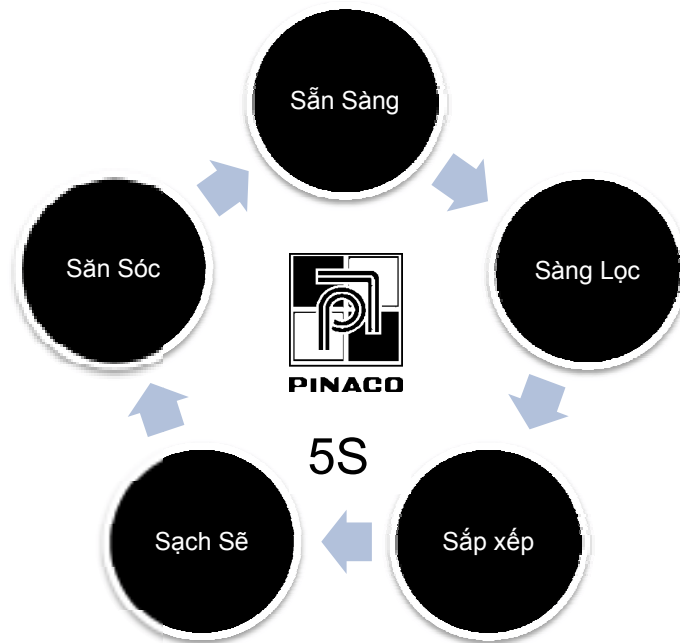


Pinaco cùng với hội Phụ Nữ Từ Thiện TP. HCM, câu lạc bộ những người bạn, tổ chức chương trình Trung Thu – Nụ Cười Đêm Trăng 2014 - cho 800 em nhỏ mồ côi, khuyết tật, kém

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Áp dụng thành công phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) SAP và cải tiến toàn diện hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn của nhà cung cấp cho các tập đoàn lắp ráp ô tô, xe máy hàng đầu thế giới. Duy trì hệ thống quản trị chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế: ISO 9001:2008 và ISO/TS 16949, Hệ thống quản lý môi trường đạt ISO 14001 và Hệ thống phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.v.v. là điều kiện để PINACO có thể cung cấp được sản phẩm của mình vào các hãng lắp ráp ô tô, xe máy hàng đầu thế giới: FORD, HUYNDAI, HONDA, YAMAHA, PIAGGIO, .v.v. và đã giúp nâng năng lực và hiệu quả quản trị công ty ngang tầm các công ty đa quốc gia.

PINACO đã và đang triển khai 5S, OHSAS 18001:2007 nhằm tiếp tục nâng cao trình độ quản lý của công ty và làm tốt hơn nữa công tác quản lý môi trường.





CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: (84 8) 3920 3062 - 3920 3063 - Fax: (84 8) 3920 3060

Email: pinaco@pinaco.com.vn

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

★ XÍ NGHIỆP ÁC QUY ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

ĐT : (84.61) 3836 116

Fax : (84.61) 3835 546

★ XÍ NGHIỆP ÁC QUY ĐỒNG NAI 2

Địa chỉ: Đường N2, KCN Dệt May Nhơn Trạch, Nhơn Trạch, Đồng Nai

ĐT : (84.61) 3569 968

Fax : (84.61) 3566 066

★ XÍ NGHIỆP ÁC QUY SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 64, Đường số 2, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. HCM

ĐT : (84.8) 3754 0244

Fax : (84.8) 3754 0663

★ XÍ NGHIỆP PIN CON Ó

Địa chỉ: 752 Hậu Giang, Quận 6, Tp. HCM

ĐT : (84.8) 3875 0556

Fax : (84.8) 3875 0190

★ CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: 18 ngõ 44 Đức Giang, P. Thượng Thanh, Q. Long Biên, Hà Nội

ĐT : (84.4) 3655 7634

Fax : (84.4) 3933 0728

★ CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 348 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng

ĐT : (84.511) 3649 957

Fax : (84.511) 3649 956

CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

- ★ 2 Đặng Thái Thân, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: (84.4) 3826 1030
- ★ Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Tp. Biên Hòa Đồng Nai ĐT: (84.61) 3836 116
- ★ 23 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp. HCM ĐT: (84.8) 3829 3932
- ★ 321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp. HCM ĐT: (84.8) 3836 8529
- ★ 752 Hậu Giang, Quận 6, Tp. HCM ĐT: (84.8) 3751 6145